

# *Anh Lạc Sang Tàu*

*(Bút ký hành hương Trung Quốc)*

Thiện Anh Lạc

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.quangduc.com>

*Chuyển sang ebook 27-08-2009*

*Người thực hiện :*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Kỳ I  
Kỳ II  
Kỳ III  
Kỳ IV

---o0o---

## **Kỳ I**

Anh Lạc sang Tàu có nghĩa là Thiện Anh Lạc sang Tàu hành hương, chứ không phải có anh nào đã bị lạc sang Tàu, không biết đường về đâu nhé.

Ngày xưa, tôi đã đọc cuốn "Phi Lạc Sang Tàu", nhưng chưa lần nào có ý muốn đi Tàu vì tôi rất sợ chế độ và dơ bẩn ở xứ này. Cách mạng văn hoá vẫn làm tôi rùng mình sợ hãi. Vậy mà tôi lại có duyên đi, rồi còn lưu luyến những thánh tích nơi đây nữa chứ, mặc dù bên Tàu có những nơi dơ bẩn khiếp hồn, thực tế nhất là hệ thống nhà vệ sinh công cộng, nơi cần kíp cho mọi người để giải quyết phiền não trong vấn đề đã vay mượn 'đất, nước' từ bên ngoài vào. Ai chịu đựng nổi những thực tế phũ phàng này mới có can đảm cất bước lên đường. Với tôi, đó chỉ là chuyện nhỏ nhặt, người ta chịu nổi thì mình cũng phải chịu được mới là 'cừ khôi' chứ ....

Lâu rồi, tôi có đọc chuyện về một vị du Tăng Trung Quốc.

" Ngài đến tu tại một chùa ở trên núi, mà chùa trên núi thì hệ thống nhà vệ sinh này đến nay vẫn còn thô sơ, nên chúng trong chùa, không ai muốn quét dọn nơi đây cả khi làm chấp tác, phân công đến phiên mình, các chúng chỉ làm lấy lệ nên càng lúc càng dơ bẩn. Riết rồi cứ đùn nhau làm việc quét dọn

này. Bỗng nhiên, sáng hôm ấy, ai nấy đều ngạc nhiên khi nhà vệ sinh được quét dọn sạch sẽ, thơm mát, thơm tho ... Thầy trú trì ngạc nhiên lắm, Thầy hỏi ai, ai cũng lắc đầu không phải. Chuyện cứ như thế mà trôi qua, không một ai thắc mắc, lo lắng đến phiên mình dọn dẹp nữa vì sáng nào nơi này cũng sạch sẽ. Thầy trú trì hỏi mãi không được vì chúng Tăng trong chùa quá đông. Thầy nảy ra một ý kiến là sẽ đi rình, trải qua bao giờ giấc khác nhau, Thầy cũng không tìm ra manh mối. Thầy chợt nhớ đến vị Tăng mới nhập chúng không bao lâu, thế là Ngài theo dõi. Ngài theo dõi vị Tăng này khó nhọc và khá lâu mới chợt thấy vào nửa đêm, khi các chúng Tăng khác đã chỉ tịnh, Ngài mới từ từ bước ra khỏi hậu liêu, nhẹ nhàng, thông thả ra giếng gánh nước về đổ đầy lu trước nhà vệ sinh, rồi xối nước, lấy chổi cọ quét thật yên lặng. Ngài làm hết dãy nhà này lại sang dãy khác mà làm cho xong hết rồi mới len lén vào hậu liêu chỉ tịnh. Mọi động tác của Ngài êm đến độ không một ai biết ngay cả Thầy trú trì, Ngài làm trong hoan hỉ và chánh niệm. Theo dõi một thời gian nữa, Thầy trú trì chịu không nổi nữa đã xông ra đánh lễ vị Tăng này, vị Tăng đang làm việc, trông thấy Ngài Trú Trì, biết việc mình làm đã lộ nên Ngài đã từ chối cái lạy của Sư, chào bái biệt Sư Trú trì rồi ra đi mất dạng."

Sang đây rồi, nhớ lại chuyện xưa, tôi kính phục Ngài không bút nào kể xiết, vì Ngài đã làm được những chuyện không ai làm nổi.

Đây là lần thứ hai, tôi sang Tàu với lòng mong đợi, khẩn cầu để được đến chiêm bái hai nơi còn lại trong Tứ Đại Danh Sơn, đó là Ngũ Đài Sơn và Nga Mi Sơn.

Lần thứ nhất, cách đây bốn năm, tôi chẳng biết gì về bốn ngọn núi thiêng liêng này, chỉ nghe cô bạn thân lấy chồng người Hoa, đi tuần trăng mật về kể lại chuyện đi viếng thăm Trung Quốc, nhất là nơi có nhục thân của Lục Tổ Huệ Năng. Vậy mà Cô ta cản tôi đừng có đi, vì Cô ta hải hùng quá và nhất quyết không trở lại.

Tôi không thích những thắng cảnh du lịch bằng ước ao được chiêm ngưỡng kim thân Ngài, nên khi ấy, tôi chỉ đi Tàu với mục đích duy nhất được đánh lễ nhục thân còn lại của Ngài, viếng thăm những chùa có di tích lịch sử. Như nơi Ngài đã trả lời cho hai vị Tăng "không phải là gió động hay phướn động mà là tâm các Thầy động".

Nơi Ngài đã giã gạo vẫn còn cái cối, tháp thờ tóc Ngài, nơi có con suối Long Tuyền Ngài giặt y áo trước khi xuống tóc, nơi thờ nhục thân Ngài ....

Tuy nhiên, theo chương trình, tôi có ghé qua Cửu Hoa Sơn ở tỉnh An Huy để dâng lễ Địa Tạng Vương Bồ Tát, biết về Bồ Tát Kim Kiều Giác, lễ lạy nhục thân của Ngài. Đến Phổ Đà Sơn để biết về Bồ Tát Quan A? "bất khả khư", lễ lạy đức Quán Thế A? ở các chùa nơi đây.

Riêng chuyến đi này là một nhân duyên lớn đối với tôi, tôi chỉ biết trước có hai, ba tuần trước khi đi, nhưng tôi còn do dự đủ thứ, rồi như có một sức mạnh vô hình thôi thúc để đi đến quyết định buông hết để ra đi, trong vòng năm phút. Đòi tôi, những phút bốc đồng như thế là chuyện thường nhật, tôi làm, hành động theo sự hiện diện, điều khiển từ nghiệp lực, tâm thức.

Con người luôn luôn mong cầu, tôi cũng là con người nên không thoát khỏi nghiệp lực này đã huân tập lâu đời. Biết có bốn nơi linh thiêng, đã đi được hai nơi, còn lại hai nơi chưa biết, cũng hơi âm ức. Cho nên, tôi vẫn cầu xin Đức Văn Thù, Đức Phổ Hiền cho tôi đến núi các Ngài ngự trị để tôi chiêm bái, dâng lễ các Ngài ít nhất một lần trong đời - Tôi có chị bạn ở Pháp đã đi Trung Quốc đến bốn lần, sẽ đi tiếp vào cuối năm nay là lần thứ năm. Có một Vị Thầy ở Pháp đã nói với tôi rằng " Đi hành hương cũng là một Pháp môn tu học như những Pháp môn khác như Thiền, Tịnh Độ, Duy Thức, Hoa Nghiêm, Mật .... Tông"

Tôi không có thì giờ, khả năng, định lực và sức khoẻ để theo Pháp môn này. Tôi chỉ đi với tính cách hành hương, chiêm bái Phật tích, học hỏi thêm điều ích lợi.

Đến Bắc Kinh vào buổi trưa, nhiệt độ nơi đây là 40 độ C, trời nóng bức, nắng gay gắt làm tôi say nắng, lão đảo ra xe, bỏ luôn bữa cơm trưa để về khách sạn nghỉ ngơi. Buổi chiều, nhờ trời có mây, nên tôi tỉnh táo hơn để ra phi trường đón phái đoàn Mỹ. Sau đó, phái đoàn đi ăn tối ở một cao lầu rồi về khách sạn nghỉ ngơi.

Tôi học liền bài học ngày hôm ấy khi tôi được ngồi trong Taxi có máy lạnh cảm thấy mình hạnh phúc hơn những người đang còng lưng đạp xe dưới ánh nắng, giữa không khí hâm hấp nóng, rin rít khó chịu nơi da. Bài học vỡ lòng này phá tan ngay cảm giác khó chịu bởi khí hậu mùa hạ khi tôi ở Bắc Kinh hai ngày, sẽ còn dài dài khi tôi đối diện với cái nóng mùa hạ nơi này ... Thành phố này vẫn còn nhiều xe đạp, người nghèo, tuy họ đã thay đổi hẳn, y phục có phần nhẹ nhàng, màu sắc hơn.

Thú vị làm sao khi ngày 'xuất hành' cho chuyến đi này, chúng tôi lại đi xuống ... nhà mồ ... Thật là hy hữu khi ta thấy chuyện TU?trước cái đã rồi hẳn tính sau ...

Thập tam lăng đời nhà Minh: Chúng tôi đi thăm một trong 13 ngôi lăng tâm của nhà Minh, Vua chúa dưới triều nhà Minh đều đóng đô ở Bắc Kinh nên mới có đến chừng ấy lăng. Nơi đây có 13 ngôi mộ của 13 vị Vua. Ngôi lăng này cách thủ đô Bắc Kinh chừng 20 cây số. Chúng tôi chỉ thăm ngôi thứ 13 là ngôi tiêu biểu. Lăng Vua Vạn Lịch.

Vua Vạn Lịch là con thứ tư của Vua Chu Nguyên Chương (Minh giáo - Cô Gái Đồ Long) - lập kinh đô ở Nam Kinh. Vua Vạn Lịch lập kinh đô ở Bắc Kinh. Sau khi kế đô đã vững, Vua nhờ Thầy địa lý xem địa mạch để lập lăng miếu. Thầy địa lý đã cố vấn nhà Vua xây lăng miếu ở vùng dãy núi phía Tây này gọi là Yên Sơn.

Người Trung Quốc quan niệm đào mồ mả của Tổ Tiên lên là điều tối k? Nhưng họ đã khai quật đến ba ngôi mộ và mở cửa cho du khách vào xem thu tiền. Đoàn đi thăm Định lăng, tức lăng Vua Minh thần tông, niên hiệu Vạn Lịch thứ 13 (1573-1620) - Minh Triều - Là Lăng lớn thứ nhì, rộng đến 1195 thước vuông, nằm sâu dưới lòng đất, nên còn gọi là Cung điện ngầm. Xây toàn bằng đá kiên cố, cửa chính cao hơn 3 thước, rộng 2 thước, có chốt bằng đá.

Lối vào lăng bằng phẳng, có bảo tàng viện bên phải, bảng chỉ dẫn, hàng quán hai bên. Từ cửa ngoài vào bên trong là một sân rộng mát, lát những viên gạch lớn, đỏ như gạch "Tàu", xung quanh có trồng những cây lớn tựa hồ cây phi lao, những bồn hoa muôn sắc, lá muôn màu. Có một tấm bia lớn nhưng trống trơn, vua cho rằng công đức Vua quá lớn nên ghi chữ không hết nổi trên một tấm bia này.

Đi một lúc, có cầu thang bằng xi măng, hay đá leo lên, hai bên chạm trở hình con rồng đang uốn éo trên hai phiến đá trắng. Đường bắt đầu lên dốc từ từ sau khi leo cầu thang. Chúng tôi đi dọc theo những toà nhà xưa, những ngọn đồi nhỏ, đường đi quanh co, có những tảng đá lớn nằm dọc theo đường cùng những cây thông, cây phi lao, tùng bách, những bụi cỏ, cảnh vật buồn tẻ, đồi núi khô khan, ít cây cỏ nên không khí nóng hừng hực.

Cuối cùng, chúng tôi đến cửa Lãng, người đông nghìn nghịt, chen lấn, xô đẩy. Đây chỉ có một lối vào, cuốn theo dòng người, tôi nhích từng bước một xuống Lãng.

Càng xuống sâu, không khí càng trở nên mát rượi, ròn rợn vì ở dưới không khí thật loãng, ẩm thấp tựa như âm phủ vì thiếu lỗ thông hơi. Người ta phải đào sâu đến 28 thước mới thấy được hài cốt. Khi khai quật, tìm được 9 hộp đồ lớn chứa 3,000 đồ quý như ngọc ngà, châu báu.

Bóng tối đã mờ phủ lên chúng tôi dày đặc, tôi chỉ thấy lờ mờ qua những ngọn đèn nê ông lù mù. Bên dưới lòng đất được cấu tạo như ngôi nhà bình thường, gồm phòng ngủ, phòng khách, phòng làm việc. Dưới quan tài có đào cái giếng, người Hoa quan niệm đất và nước là hai thứ không thể thiếu trong đời sống(?) hằng ngày.

Xuống sâu đến tận cùng, tôi mới thấy được ba cái ngai vàng, vài ba cái lục bình, hòm xiềng lủ khủ 3 cái lớn nhỏ của Vua và hai hoàng hậu, tất cả đều sơn màu đỏ. Hòm của Vua là lớn hơn cả, lớn gấp ba bốn lần cái thường vì còn chứa nhiều thứ linh kinh trong đó như áo quần, vàng bạc, phải rộng rãi, thoải mái cho Vua ... nằm .

Mùi tử khí vẫn còn quanh quất đâu đây chứ chưa hề tan loãng hết theo thời gian, người tôi ớn lạnh, nổi gai óc từng cơn vô cơ. Chợt thấy bụi người thương cảm cho những người vô tội bị chôn sống theo Vua, cầu xin cho họ được siêu thoát.

Dòng người cứ xô tôi đi tới, đi hết một vòng, phút chốc, đã đến những bậc cầu thang đi lên, leo lên một lúc lâu, tôi mừng rỡ khi thấy ánh sáng mặt trời ..

Lững thững bước ra ngoài, tôi suy tư mãi về vấn đề sinh tử và phong tục từng nơi. Dù là Vua hay dân, chết là hết, ra đi với hai bàn tay trắng như lúc mới chào đời, sao lại còn rườm rà quá làm gì vậy ? Để giờ này, nơi yên nghỉ cuối cùng cũng chẳng được yên. Mỗi ngày, rầm rập có đến bao nhiêu ngàn người ồn ào kéo đến dòm ngó, sờ soạng. Nhà nước cấm chụp hình, quay phim nên cũng còn yên được phần nào ...Không như những bậc cao Tăng Phật giáo, viên tịch để lại nhục thân trong chùa để hậu thế đến chiêm ngưỡng lễ lạy.

Trong chuyến du lịch ở những thành phố lớn, có những chương trình bắt buộc du khách phải đi vào những cửa hàng quốc doanh. Hai chuyến đi tôi không tránh khỏi, chuyến đi này, còn mất thì giờ đi nhiều hơn chuyến trước. Kỹ nghệ Trung Quốc phát triển nhanh quá nên có nhiều thứ phải xem để mua. Chúng tôi bị bắt buộc phải đi tiệm thuốc "Dân Tộc" để ai có muốn khám bệnh mua thuốc cho khoẻ mạnh mà đi tiếp cuộc hành trình dài ... Dù có mất thì giờ, không muốn đi nữa, cũng phải vào .... Trước nhất, đoàn phải vào trong phòng họp, uống nước trà nóng để tỉnh táo nghe quý vị "độc tở" quốc doanh nói về bệnh tình về "tam độc" trong người, nhưng "tam độc đây" không phải là "tham sân si" đâu nhé, mà là lục phủ, ngũ tạng, tim gan tì phế có chất độc, bị 'nóng' nên phải làm cho nó mát, thận suy, gan yếu ..... Sau đó, ai nghe bùi tai, thấy mình có bệnh thì cứ sang phòng bên cho bác sĩ đồng y bắt mạch cho thuốc. Thuốc rất đắt, nghe đâu cũng rất tốt, uống vào, hết bệnh trong vài ngày.

Đi tiệm thuốc 'Dân Tộc' khám bệnh là chương trình bắt buộc của nhà nước Trung quốc. Tôi chẳng khám bệnh hay bốc thuốc gì cả cho 'tam độc' nơi thân tôi, tôi cần diệt 'tam độc' từ tâm tôi trước cái đã, rồi mấy chục cái độc khác từ thân cũng sẽ theo đó mà tiêu dần ..... Tâm có Lạc thì thân mới An.

A? cơm trưa xong, trên đường đến Vạn Lý Trường Thành. chúng tôi lại được "mời" đến thăm cửa hàng khác bán đủ thứ, từ ngọc ngà cho đến tơ lụa, tranh tượng ... Giá cả cao vút đến cung trời "Dạ Ma" ... khách hàng mặc sức trả giá đưa người bán xuống tận cõi trời "A Tu La" ... Vào những nơi này làm mất thì giờ của du khách rất nhiều cho những ai không thích đi, những nơi chính bị cấu thời gian rất nhiều. Đành chịu, đừng có nổi 'sân' bắt tử mà 'độc' lại phát sinh thì khổ đốn, ai đại !!!!!

Vạn Lý Trường Thành: Xây vào đời Minh năm Hồng Trị thứ 18 (1505) tu bổ vào năm Gia Tĩnh. Thời Xuân Thu, các nước Yên, Triệu, Tần đắp thành phòng Hung Nô ở phía Bắc tràn xuống. Sau khi Tần Thủy Hoàng gom châu lục quốc, các thành lũy này được xây nối tiếp vào nhau trở nên một bức tường thành ngàn dặm, các triều đại sau tiếp nối tạo ra một trường thành dài 6700 cây số, cao đến 6/7 thước, rộng từ 4/5 thước, hai bên thành có chiều cao khác nhau. Phía Tây cao gần 2 thước, có chừa những lỗ trống để quan sát địch thủ bên ngoài, phía Nam cao độ 1 thước để dễ quan sát bên trong thành. Thành được xây trên núi cao, dài dài theo thành là những điểm canh cao chót vót để dễ dàng quan sát tứ phía. Tất cả đều xây bằng đá cứng, nhưng đã bị hao mòn nhiều theo thời gian và chân người. Người xưa quá cao lớn căn cứ theo hai bộ áo giáp đặt hai bên cửa thành, nên những bậc thang

lên thành vừa cao, vừa thẳng đứng, diện tích mỗi bậc lại nhỏ, vừa đủ bàn chân, leo không khéo, không chánh niệm, rất dễ bị ngã vì mệt, say nắng, chóng mặt. Đây là một kiến trúc cổ vĩ đại nhất thế giới.

Hôm ấy trời đẹp nên tôi cũng leo, mặt trời chói, người đông, leo khó, trời nóng ... tôi suýt trượt ngã mấy lần vì mãi lo lấy hình vào máy. Sau cùng, lên đến chòi canh là nơi cao nhất, nhìn xuống, tôi mới thấy không uổng công leo nhưng không dám nhận mình là 'Hảo Hán' mà chỉ thấy mình thờ 'hồn hèn', rồi 'hồi hộp' bị ngã giữa đường khi đi xuống. Cảnh vật xung quanh nhỏ xíu, núi đồi hùng vĩ chập chùng nối tiếp nhau uốn lượn lên xuống đến tận chân trời. Màu xanh của cây cỏ, nâu của đất, xám của đá, đen của núi trên mặt địa cầu, tiếp giáp với màu trắng của mây, xanh biếc của bầu trời trong tương phản hài hoà, điểm thêm một vài tia nắng lung linh hoàng kim, sắc óng ánh, một bức tranh thiên nhiên vô giá tác động mạnh vào tâm hồn người thưởng thức một ấn tượng vô ngã trước tạo hoá bao la, huyền bí. Đứng trên một nơi cao ngất trời làm mình cảm nhận được sự nhỏ bé của mình trước thiên nhiên vi diệu, bao nhiêu tâm lượng xấu xa, hẹp hòi dường như đã tan biến ...

Ở Vạn lý trường Thành về, ăn tối xong, đoàn đi xem hát xiếc Trung Quốc. Xiếc diễn rất hay, luyện tập cho dẻo người thật công phu, đó cũng là món đặc thù của Trung Quốc. Nhạc bản xú phát ra từ chiếc loa vắn hết mức muốn thủng màng nhĩ, rập chật ních người, không có máy lạnh nên hầm và ngộp đến tắt thở, mùi hơi người xông lên lẫn với mùi rập hát, nệm ghé cũ, mùi thuốc lá làm tôi chợn nhớ đến quê hương vào những tháng sau cùng, còn ở lại, tôi cùng bạn thân đi xem chớp bóng, mỗi người có cái quạt giấy trên tay phe phẩy ..... Xong hát, ai nấy mừng rỡ ra về ... có nhiều người trong đoàn thú thật với tôi là đã đánh hết mấy giấc mộng lành. Tôi trái lại, đã thích thú xem và thu ảnh lại hết từ đầu chí cuối.

Ngày cuối ở Bắc Kinh, đoàn đi thăm 'Cổ Cung', chùa An Lạc hay chùa Lạt Ma.

Cổ Cung: Vốn là Tử Cấm Thành, chữ Tử có nghĩa là màu tím chứ không phải là chết. Cung điện trên trời màu tím, nên cung Vua dưới trần thế cũng vậy, đàn ông, không ai được vào đây ngoại trừ Vua, và các Thái Giám. Các quan khác đã có nơi gặp riêng ở phía sau điện Thái Hoà. Cấm là Cung cấm, người nữ được (hay bị) tuyền vào đây rồi thì khó có ngày trở ra thế giới bên ngoài gặp lại người thân.

Nơi đây có kiến trúc cổ kính, to lớn còn lưu lại hoàn chỉnh nhất ở Trung Quốc. Khởi xây năm Vĩnh Lạc thứ tư (1406) triều Minh, hoàn thành 14 năm sau đó, cách nay gần 600 năm, trải qua 24 đời vua - Nhà Minh và Thanh. Chiếm một diện tích hơn 72 vạn thước vuông, bao gồm 9999 phòng ốc chiếm khoảng 15 vạn thước vuông, Ngọc Hoàng có 10,000 phòng, còn Thiên Tử Trung Hoa ví như con trời, nên phải thua Vua trời một phòng. Thế thì câu "Con hơn cha thì nhà có phúc" chẳng hợp thời nơi đây tí nào cả.

Được chia làm hai phần là Ngoại triều và Nội đình. Ngoại triều lấy ba điện Thái Hoà, Trung Hoà & Bảo Hoà làm trung tâm, hai cánh có Văn Hoa điện và Võ Anh điện, Ngoại triều là nơi Vua hành xử quyền lực, tiếp đón khách khứa. Sau khi qua sông Kim Thủy và cầu Ngọc Đại sẽ gặp hai con Sư Tử đứng giữ cửa. Dưới chân Sư tử đục có quả cầu tượng trưng cho sức mạnh, dưới chân Sư Tử cái là Sư Tử con tượng trưng cho việc lưu truyền nòi giống. Gần đây có hòn đá chạm mặt Sư Tử, trên mặt Sư Tử có đục một lỗ sâu để Vua cho roi cưỡi Ngựa vào đây. Các quan đại thần muốn đến gặp Vua, cứ đến đây xem có roi hay không, roi không có là Vua đã đi vắng. Hai bên có hai dãy nhà cho các quan để mũ của mình lại đây để tôn kính nhà Vua. Khi Vua thấy mũ tại đây, Vua biết các quan đại thần muốn gặp Vua.

Thái Hoà điện là nơi Vua tiếp các vị quan. Là điện lớn nhất, nơi đặt Ngai vàng, diễn ra những nghi lễ lớn, quan trọng, như lễ đăng quang, thượng thọ. Các quan phải quỳ xuống trong sân, trước điện Thái Hoà để tung hô nhà Vua. Chỉ có Tăng Sĩ Phật giáo là không phải quỳ dưới chân Vua, ngược lại, cả gia đình, gia quyến các vị Vua phải quỳ mọp đánh lễ các Ngai.

Nơi đây, trống hộc, tro trọi, không có trồng cây cỏ vì sợ Vua bị phục kích. Hai bên sân điện, có những chiếc lư rất to lớn, bên dưới có lò đun, có những giả thuyết, lư đựng nước để chữa cháy - lư để đun nước cho ấm vào mùa đông - lư để nước để không khí bớt khô khan vì không có thảo mộc - Hay là những lò hương. Dưới sân điện lót đến 15 lớp gạch chồng chéo lên nhau để phòng kẻ ám sát Vua đào hầm. Nền điện xây cao 3 tầng, trên mái ngói có 9 con vật tượng trưng 9 ngôi sao trên trời, chỉ có Vua mới được như vậy. Còn nhà dân không được cao hơn 1 tầng, nhà quan không được cao hơn 2 tầng. Điện có 9 gian, hai bên có nhà kho đựng lương thực, có đồng hồ bằng ánh sáng mặt trời. Trên điện có hai con hạc cưỡi hai con rùa, tiêu biểu cho hạnh phúc (hạc), sống lâu (rùa). Chính giữa điện có chiếc Ngai Vua, ngay lối giữa bước lên 9 cấp, hai bên thấp hơn chỉ có 7 cấp.



Trung Hòa điện cũng có Ngai Vua nhưng nhỏ và xấu hơn, nơi đây chỉ là nơi Vua nghỉ ngơi, thay xiêm y trước khi ra tiếp các đại thần.

Bảo Hoà điện dùng để tổ chức các khoa thi cử và các vị Tiến Sĩ, Thám Hoa, Bảng Nhãn, tuyển chọn phò mã cho Công Chúa.

Nội đình gồm Càn Thanh cung, Văn Thái điện, Khôn Vũ cung, cùng với Đông Tây lục cung, là nơi Vua xử lý chuyện hằng ngày, nơi ở của cung tần, mỹ nữ.

Ba cung lớn tráng lệ là nơi Vua sống với Hoàng Hậu. Cung tần mỹ nữ ở hai bên. Ngày nay, có một gian trở thành viện Bảo Tàng, trưng bày áo mũ, xiêm y, nữ trang của Từ Hy Thái Hậu hay những cung phi khác.

Đi hết từ điện này sang điện khác, thú thật, tôi thấy sơ sơ nơi nào cũng giống nhau. Trời thì nắng chang chang đến hoa cả mắt, phần thì sợ 'lạc' đường phải nhón nhác chạy theo đoàn, người lại đông nghìn nghịt, chen lấn, xô đẩy, tôi còn phải thu hình, chụp hình (không phải cho tôi đâu) nên không la cà quan sát được trọn vẹn từng nơi một. Đại khái là từ cổng chính vào có một cái sân châu lớn trước điện Thái Hoà, đi sâu vào trong, có thêm mấy cái sân nhỏ nữa làm khoảng cách cho những cái điện, gạch đá màu xám, những con Sư Tử châu hai bên cầu thang lên điện, bao quanh điện là một hành lang, dài rộng, có lan can bằng đá, chạm trổ công phu. Điện nào mái cũng cong vút, gạch đỏ đã đổi màu, có nơi bị nứt, vỡ vụn, rêu phong lấm chấm. Máng xối có lua thưa vài nhánh cây xanh mọc lơ lửng trên không. Trước mỗi điện, trên cao, sát với mái nhà, có tấm bảng ghi tên, vài cái cửa vào điện đã khoá chặt, trong điện chỉ còn vồn vện cái Ngai nằm giữa ...

Tôi cũng tò mò ghé mắt nhìn qua những tấm kính để thấy phòng ngủ của Vua. Đó là một phòng rộng với chiếc giường lớn, nệm gôi bọc gấm, màu sẫm đã cũ, có màn che, trướng rủ, giữa phòng có chiếc tràng kỷ dài, nệm bọc gấm. Đồ đạc chỉ có thế. Gian bên cũng đại khái như vậy ... Căn phòng âm u, âm đạm ...

Sâu bên trong, có vườn thượng uyển để Vua giải trí, vườn mát mẻ với nhiều cây cỏ thụ lâu đời, nhất là tùng bách, cùng những hoa thơm, cỏ lạ với những tượng, bức phù điêu khắc đẹp tuyệt, những nhà lồng. Không khí nơi đây mát rượi, chim hót líu lo, cảnh vật tao nhã. Chẳng ai muốn rời khỏi nơi đây vì mát quá ....

Rời Cố Cung, đoàn lên đường đi tiệm tơ lụa, ngọc thạch, ngọc Trai, nơi nào, giá bán cũng trên trời ....Những cô bán hàng vốn vã đến độ làm người xem cũng rụt rè không dám lại gần, họ níu kéo, dai dẳng với khách hàng. Những nơi đây chiếm thì giờ còn nhiều hơn ở những nơi viếng thăm chính trong chương trình, một số quý vị trong đoàn cũng thích mua sắm, nên yêu cầu hướng dẫn viên du lịch đưa đi thêm những nơi khác trước khi rời Bắc Kinh. Tôi vẫn chờ như tôi đã chờ .....

Dùng trưa xong, phải ghé thêm cửa hàng nữ trang, tơ lụa, y phục, trước khi đến 'Ung Hoà Cung' dâng lễ Đức Di Lạc và các Vi Phật, Bồ Tát. Hãy kiên nhẫn chờ.

Ung Hoà Cung hay Chùa An Lạc: Công nguyên 1694, Vua Khang Hy xây cung điện cho hoàng tử thứ tư là Diệu Chân. 28 năm sau, Diệu Chân lên ngôi, lấy niên hiệu là Ung Chính (1723 - 1735). Nhà vua dời vào Cố Cung, cung cũ một nửa vẫn giữ làm hành cung, một nửa làm tăng viện. Chẳng bao lâu, hành cung bị thiêu hủy, chỉ còn sót lại tăng viện.

Năm 1725 cung này được đổi tên thành Ung Hoà cung, năm 1744, chính thức trở thành 'Lạt Ma Tự Viện'.

Vì vốn là cung điện trước kia nên Ung Hoà có kiến trúc đặc thù so với các chùa chiền khác. Từ nam đến bắc, cung dài đến 480 thước, gồm có Bi lâu, Chiêu Thái môn, Thiên Vương điện, Ung Hoà đại điện, Vĩnh Hưu điện, Pháp luân điện, Vạn Phúc các, Tuy Thành lâu, Cung rộng khoảng 120 thước. Trang hoàng theo văn hoá

Tây Tạng, những bức phù điêu chạy dọc trên tường, những hành lang, trên trần, đều vẽ và sơn màu nghệ thuật xứ này.

Ung Hoà điện trước kia là Ngân An điện (điện chính của Thân Vương phủ), thờ Tam Thế Phật (Thích Ca, Dược Sư, Di Đà) và 18 vị La Hán. Trong cung có đỉnh lô bằng đồng chạm trổ rất tinh xảo, đúc vào năm 1747.

Pháp luân điện giữa hai nghệ thuật, kiến trúc Hán Tạng, là nơi tụng kinh của Lạt Ma, trên nóc có Lư Kim Bảo Tháp theo lối Tây Tạng. Vạn Phúc các có ba tầng lầu, cao đến 25 thước, xây năm 1750 để thờ pho tượng đức Di Lạc cao 18 thước. Tượng này khắc bằng cây gỗ Bạch Đàn cao đến 26 thước, đường kính rộng 3 thước, do Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 7 thỉnh từ Nepal tặng vua Càn Long, 6/8 thước được chôn dưới đất.

Tượng Đức Di Lạc đây khác hẳn với những tượng khác có bụng to, miệng cười.

"Đại đồ năng dung, dung thể gian, nan dung chi sự"

Bụng Ngài lớn để dung chứa những thứ thể gian người không chứa nổi.

"Từ dung năng tiêu, tiêu thể gian, nan tiêu chi sự"

Miệng Ngài cười những chuyện người thể gian không cười được.

Ngược lại, Ngài có tướng hảo trang nghiêm, đứng uy nghi, trầm tư, miệng chỉ mỉm cười khe khẽ, nhẹ nhàng. Hai tay đều bắt ấn, một tay trong tư thế đưa xuống như đang cứu vớt chúng sinh. Trông Ngài rất dễ làm với những vị khác nếu không biết hay không đọc bảng chữ trước điện thờ.

Mãi đến bây giờ, chuyến hành hương mới mang đúng ý nghĩa. Đây là lần thứ hai tôi đến đây, vẫn xúc động mãnh liệt khi ngược cao cô lên nhìn Ngài, chiêm ngưỡng Ngài để tìm chút an nhiên, tự tại, hoan hỉ cho tâm hồn, Ngài mỉm cười, nụ cười thật từ bi, thánh thoát, êm dịu làm sao. Tôi đứng lặng nhìn Ngài một hồi lâu không chớp mắt như bị thôi miên bởi nét điệu khác hoàn mỹ của cổ nhân, không bút nào tả xiết, cổ mỗi nhừ mà tâm vẫn an lạc, mắt nhìn Ngài, hào quang tỏa ra từ thân kim sắc phủ lên người tôi một luồng từ điện tôi như được hoá kiếp, cho đến lúc bị hồi thức, tôi bị ném trả lại thực tại, xá Ngài ba lạy rồi lui bước.... Lần này, tôi không được leo lên lầu chiêm ngưỡng Ngài như lần trước vì không đủ thì giờ ở lại lâu.

Bên ngoài sân chùa có một đại hồng chung lớn, bên trên có ghi lại nguyên bài chú "Đại Bi". Vì ngày xưa là Cung điện của Hoàng Tử nên vườn trong chùa rất rộng, đẹp, chăm sóc kỹ lưỡng, có nhiều điện thờ khác nữa nhưng tôi không vào được vì bị lừa ra xe. Phật tử trong đoàn đã tản mát để đi tìm những cửa hàng đây đây khắp nơi để mua chuỗi tràng và tượng Phật .....

Phái đoàn phải yêu cầu và làm eo với nhân viên du lịch lắm mới được viếng thăm Di Hoà Viên vào cuối ngày. Không còn nhiều thì giờ, giờ giấc thăm viếng cũng gần hết nên không vào được bên trong, tuy nơi đây có ghi trong chương trình.

Di Hoà Viên, vườn nghỉ mát mùa hạ của bà Từ Hi: Vua Càn Long nổi tiếng là rất có hiếu với mẹ, như vua Tự Đức nước ta. Khi mẹ về già, ông báo đền công sinh thành dưỡng dục bằng cách cho xây Di Hòa Viên để mẹ ông an hưởng tuổi già. Nhưng nhiều người đời sau không trọn tin vào lòng hiếu của vua, nên bảo đó chỉ là cái cớ, thật ra vua xây cho vua để hưởng nhàn. Công quỹ đổ vào đây rất nhiều: nào đào hồ, đào non bộ, xây chùa, dựng tháp, hàng hàng lớp lớp tòa ngang dãy dọc, gần như một cung điện chính tại Tử Cấm Thành .

Ngoài vườn trồng nhiều cây tùng, cây bách rất quý và có cả ngôi tháp thờ tóc của mẹ Vua. Từ cửa vào đến bên trong, đến bên hồ là khu vườn trồng nhiều loại cây xanh, có cây sống hơn 500 năm, có những tảng đá nhỏ trang trí rải rác khắp nơi, đá quý được mang về từ miền Nam TQ. Những căn nhà nhỏ, những bãi cỏ xanh rì .... Đi một khúc quanh, đến được bờ hồ Côn Minh, hồ rộng mênh mông, có thuyền cho du khách dạo, tôi không nhìn thấy cảnh bên kia hồ, một hồ sen trắng nhỏ, nằm ở góc hồ, phong cảnh rất thơ mộng, yên tĩnh. Một dãy nhà dọc theo hồ dài đến 793 thước gọi là Du Nguyệt Môn. Mỗi gian có 4 cột, có tất cả 280 gian, tôi cứ thả bộ dọc theo từng gian một, mái cong, tháp, cửa sổ, cửa cái đã đổi màu sậm, những gian này bị siêu vẹo theo thời gian nhưng chưa có gian nào được trùng tu lại.

Trong Hồ có xây một ngôi chùa rất lớn gọi là Phật Hương Các. Đường lên chùa có trang trí 12 con giáp làm bằng đá Thái Hồ rất đẹp, trồng những cây cảnh quý báu.

Tôi không đủ duyên viếng chùa, lễ Phật.

Không thẹn với tên Cung điện mùa hạ, bên ngoài thành phố, khí hậu nóng bức đến phát mệt, vậy mà bước sâu vào đây, không khí mát rượi hơi nước, gió thổi lồng lộng .... Tôi đi dọc theo hành lang bờ hồ ngắm cảnh, mặt hồ gợn sóng lăn tăn xa tít đến tận chân trời, mặt trời đỏ ửng, hoàng hôn lướt trôi chậm chậm, ráng chiều soi xuống nước, kéo lê một vệt vàng lóng lánh, óng ả, rồi chợt dứt khúc theo những đợt sóng dập dềnh, như cuộc đời chuyên biến theo tâm thức phân biệt, khi đẹp, khi xấu, khi vui, khi buồn, khi thịnh, khi suy, cứ nối tiếp nhau mãi không dứt, nhưng ... nước vẫn là ... nước, sóng đâu có ngoài nước mà có được đâu ..... Chiều dần tà, những cánh chim, từng đàn, bay về tổ ấm, ríu rít gọi nhau ...nhìn lại bên kia hồ, sừng sững cuối ghềnh đá, căn nhà Thủy Tạ, xây sát bên mặt hồ. Những cây liễu xanh mướt, ẻo lả, thỉnh thoảng lại nghiêng mình đón nhận những làn gió lướt qua, từng

chiếc lá rũ xuống mặt hồ, nô đùa với làn nước mát. Một loài thảo mộc có sức chịu đựng bền bỉ, kiên cố nên đã được đức Quán Thế A? cầm lấy trên tay.

Đi một lúc, tôi đến ao sen trắng, nơi đây, có khúc quanh, uốn tròn vào nội địa thành một cái ao, mùa này, sen chưa có nhiều nên chỉ lưa thưa vài búp, còn lại toàn lá, đi đâu mà thấy được hồ, ao sen là tôi vui rồi .... Đi vòng theo hành lang một đoạn nữa, nhà cửa, cung điện đã biến mất sau khúc quanh, còn lại là khu vườn hay công viên, tôi không rõ. Đường dọc theo hồ trải gạch, đá trắng xám, có hai rặng phi lao, song song với dãy hành lang chạy dài có nóc nằm phía trong. Tận cùng là vườn cây với một ao sen trắng, có chiếc cầu bắc ngang, Phật tử trong đoàn chỉ dừng lại, ngồi chơi nơi đây rồi vòng trở ra ....

Ăn tối xong, đoàn đi thăm quảng trường Thiên An Môn để chờ giờ ra ga xe lửa đi Đại Đồng.

Quảng trường Thiên An Môn: rộng độ 44 mẫu tây (hectare metre). Đây là quảng trường lớn nhất thế giới, đèn đuốc sáng choang, cảnh trí khoáng đãng, nhưng sao tôi cảm thấy ớn lạnh nơi xương sống khi nhớ lại khung cảnh sinh viên biểu tình đòi dân chủ, tự do đã bị đàn áp nặng nề và chết rất nhiều nơi đây.

Ảnh và lăng Mao Trạch Đông trước mặt, còn có ảnh Bác Sĩ Tôn Dật Tiên. Quốc hội cũng gần đó, bên trái. Trời nóng, sau một ngày mệt mỏi, nơi này chẳng có gì thú vị để thưởng thức, tôi ra xe sớm nghỉ ngơi chờ đoàn về sau.

Ga xe lửa ở Tàu khá hơn A? Độ nhiều, tân tiến, sạch sẽ, có chỗ có thang cuốn lên lầu, nhưng không đông bằng nhưng chưa bằng được các nước tân tiến vì vẫn còn chen lấn. Từ cửa vào sân ga khá xa nên việc chuyển hành lý thật nhiều khê, hành lý phải khuân vác lên lầu, rồi lại xuống lầu vài lần vài đoạn đường mới đến được sân ga. Quý Thầy trẻ và các anh thanh niên phải đi làm hai ba chuyến mới xong đám hành lý công kèn như vậy đến sân ga. Còn một đoạn trường nữa là chuyển tất cả hành lý từ sân ga lên xe lửa thật nhanh, chỉ có 8 phút để hoàn tất.

Tuy nhiên, nhân viên du lịch đã đặt trước một toa hạng nhất riêng cho đoàn nên chúng tôi thoát nạn xô đẩy. Toa có giường ngủ hai tầng, thanh niên nằm trên, già cả nằm dưới, giường chiếu, chăn gối tương đối trắng, sạch, máy điều hoà không khí chỉ chạy khi xe chạy nên những lúc ngừng, trong phòng hơi ngột ....

Tất cả đã lên Tàu lửa hết, ai nấy thở phào, nói chuyện thăm viếng nhau đôi ba câu rồi về giường mình ngủ vì đêm đã khuya.

Tôi dễ ngủ nên đã thiếp đi một lúc cho đến đúng giờ thức dậy, Công Phu khuya xong thì xe cũng sắp đến Đại Đồng thuộc tỉnh Sơn Tây.

---o0o---

## Kỳ II

Khoảng sáu giờ ba mươi sáng, xe lửa đến sân ga Đại Đồng. Nghe nói nơi đây thiếu an ninh, có nhiều thổ phỉ nên tôi hơi sợ, đề phòng, nhưng tôi chỉ thấy người dân địa phương có gương mặt hơi man rợ vì khí hậu khắc nghiệt làm nước da họ đen sạm, vậy thôi. Họ xúm lại, tò mò nhìn chúng tôi đang đứng giữ hành lý, chờ xe buýt đến đón ở một khoảnh đất, trước sân nhà ga.

Chẳng bao lâu, xe và hướng dẫn viên địa phương đã đến, họ đưa chúng tôi về khách sạn ăn sáng. Thành phố tấp nập, hỗn độn người, xe qua lại, nhà lầu, nhà trệt, cửa hàng, khách sạn khắp nơi trên đường. Hai bên lề, có những người trả? đại tâm ni lông xuống đất, bày bán vài thứ rau đậu trái cây, có những chiếc xe ba bánh chở đầy trái cây, rau cải nằm cả xuống đường, lán một khúc ra đường cái. Còi xe inh ỏi liên hồi báo hiệu những chiếc xe đạp tránh xa xe vận tải, xe buýt. Tôi thấy cả sự chênh lệch lạ kỳ trong thành phố khi một toà cao ốc khách sạn quốc tế đứng ngất ngưỡng bên cạnh một ngôi nhà nhỏ, mái ngói, phen gỗ đen thui, ọp ẹp, tiêu điều. Cả một ngày hôm qua lang thang ngoài đường, một đêm ngủ trên xe lửa. Chúng tôi mong có nơi để làm vệ sinh cá nhân cho sạch sẽ, khoẻ khoắn, phấn khởi trước khi đi lễ bái, thăm viếng thánh tích. Không có chỗ, chúng tôi đành ở bản mà lên đường. Khách sạn quốc doanh miền núi nấu thức ăn thật "khiêm nhường" như khung cảnh. Sau một đêm ngủ chập chờn, người ngợm rít chịt, mệt mỏi làm chúng tôi không thiết chi ăn uống, chỉ dùng qua loa rồi lên đường đi thăm viếng thánh tích nơi đây.

Đại Đồng thuộc tỉnh Sơn Tây, giáp ranh với Mông Cổ, là kinh đô thời Tây Hán gọi là Bình Thành. Xây dựng cùng thời kinh đô Luy Lâu (bắc Việt). Thời Sĩ Nhiếp sang Giao Châu làm Thái Thú. Trên đường đi, hai bên quang cảnh khô cằn, bụi bặm. Xe dường như chạy lên núi, lác đác chỉ có dăm ba cây xanh, còn lại là một màu vàng nâu từ đất núi khô khan, cằn cỗi. Rải rác dọc theo sườn núi thoai thoải, tôi thấy có những nóc nhà nhô lên trông thật

lạ. Được biết, người dân địa phương tại đây đào sâu xuống sườn núi làm nhà rồi dùng đất, đá lấp nóc lên trên. Khi vào nhà, họ phải trổ từ trên nóc nhà xuống. Nóc nhà cũng có màu sắc như màu đất núi. Làm nhà như thế thật tiện, chẳng tốn kém mua vật liệu xây cất, chỉ có đào sỏi đất đá lên rồi dùng những thứ dư đó để làm mái nhà, những thứ linh tinh khác. Tôi không biết tại sao họ cất như vậy, cho ấm vào mùa đông, mát vào mùa hạ, hay thiếu vật liệu.

Nơi đây thiếu nước trầm trọng nên dân địa phương có khi cả năm không tắm giặt... Nhìn ra ngoài cửa, tôi thấy một lớp bụi mỏng bay toả trong hư không, những người lam lũ, mặt mũi lem luốc đang cúi hái trồng trọt chút rau đậu, những trẻ em chạy nhảy, vui đùa khắp nơi. Không có nước, họ cũng cố công trồng trọt được chút cây xanh tô điểm bên đường. Nhìn thấy đời sống của họ như vậy, tôi hết bức rức bị ám ảnh hai ngày qua không tắm gội, dùng ngoại cảnh để đối trị căn bệnh chập trước này rất hiệu quả, tôi cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái hẳn lên.

Xe từ từ đổ xuống núi, cây cỏ nhiều, tươi mát hơn một chút, cuối cùng, dừng lại trên một bãi đất rộng. Phong cảnh thật buồn thảm, hoang tàn trên đường đến trước Vân Cương Thạch động. Nhà cửa nghèo xơ nghèo xác, gọi là nhà, chứ thật ra là những túp lều, dân chúng ăn mặc tả tơi. Nơi đây có mỏ than đá nên quanh động và thành phố bụi bặm bay tung trời. Chúng tôi cẩn thận bước đi trên đường đất nhấp nhô dễ vấp ngã, có nhiều nơi loang lổ khá to thành vũng nước mưa, đọng lại đen ngòm. Hàng quán bày la liệt thức ăn, nước uống, tượng, chuỗi, vòng, chén bát, đủ thứ. Có cả thợ chụp hình cho du khách, rất hữu ích cho quý bác già thích có ảnh lưu niệm mà không đủ phương tiện máy móc. Thấy du khách đến, dân địa phương vây quanh chào hàng chật ních. Trước cổng chùa, tôi thấy một hai con lừa, ngựa, lạc đà được trang sức bằng chuông, hoa, dây đủ màu, chủ đơn đả dặt chúng đến mời du khách cưỡi. Nhờ có người xưa bỏ công xây cất nên người nay mới sinh sống được, tôi nhớ về một thế giới tương tức giữa xưa nay, kể đến, người ở giúp nhau qua sự trao đổi.

Chúng tôi phải leo lên nhiều bậc tam cấp mới đến cổng tam quan của chùa, mua vé xong, lần lượt từng người vào bên trong. Trước khi viếng hang động, phái đoàn bước vào một ngôi chùa làm lễ. Chùa nhỏ, bằng gỗ, có mái ngói ống nhiều màu ngả thành màu chét đẹp tuyệt.

Tôi thăm viếng, chiêm ngưỡng, lễ lạy từng vị Phật trong mỗi hang lớn nhỏ. Có hang to, cả đoàn vào được hẳn bên trong như những hang đầu tiên, có

đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bên phải Ngài là Ngài trưởng lão Ma Ha Ca Diếp, bên trái là Ngài A Nan, tường xung quanh khắc hẳn thành ba bức, đều có hình Bồ Tát, chư thiên. Trên trần hang khắc hình những hoa sen và những vật cúng dường.

Có hang chỉ được đứng bên ngoài nhìn vào vì nhỏ hay là nguy hiểm. Tôi đi viếng hết tất cả các động này trong lòng rất buồn, tất cả tượng đều bị tàn phá bởi chủ nghĩa, hành động quá khích gọi là " Cách Mạng Văn hoá " trong thế kỷ qua. Nhìn thấy những tượng Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp bị cụt tay, móc mắt, vạt mặt, theo mũi mà lòng tôi đau sót tựa hồ như người thân yêu của mình bị lâm nạn. Có nhiều tượng được bàn tay Phật Tử rờ vào đến độ nhăn nhó, bóng láng vì thương cảm quá đỗi. Phải mất hàng mấy trăm năm, người xưa mới hoàn tất được những công trình to tát như thế, Vậy mà, chỉ đập phá trong chốc lát, công trình xây dựng ngàn đời đã trở nên hoang phế. Tôi ngậm ngùi than tiếc với một vị Đại Đức và hỏi Thầy rằng quả báo ra sao khi làm thân Phật ra máu như thế ? Tôi thảm nghĩ mặc dù không ra tay trực tiếp, nhưng đã hô hào, khuyến khích quần chúng tàn phá như thế thì cũng mắc tứ trọng tội do giáo tha tác rồi. Vị Đại Đức cho tôi biết người này đã bị điên loạn, quần quai trước khi qua đời. Vân Cương Thạch Động nằm bên vách núi đá, ở ranh giới 2 tỉnh Hà Nam và Sơn Tây. Tổng cộng tất cả 53 động đá chứa 51,000 tượng Phật lớn nhỏ khác nhau, điêu khắc rất công phu, sắc sảo, nghệ thuật cao, đường nét sống động. Công trình hoàn tất trong vòng vài trăm năm. Người chủ trương điêu khắc nên những động này là vị Sư Jan Yao, vào thế kỷ thứ 5. Động chính từ số 5 đến 20.

Động số 5 có tượng Phật Thích Ca lớn nhất, cao đến 17 m.

Động số 6 chạm nổi về lịch sử đức Phật, từ sơ sinh đến xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, nhập Niết Bàn.

Động số 7 chạm tam thế Phật - Thích Ca, Di Đà, Di Lạc - Tượng Phật Đa Bảo. Trên trần chạm những thiên thần trỗi nhạc cúng dường. Hoàn tất trong 600 năm.

Động số 8 chạm Phật Di Lạc rất đẹp ở giữa, trên trần chạm tam thế Phật.

Từ động số 9 -> 13 gọi là Ngũ Hoa Động - Động số 9 bên ngoài đã đục xong, nhưng bên trong chưa có gì. Những công trình vẫn chưa hoàn tất vì chinh chiến.



Động số 11 Chạm đúc Phật A Di Đà, đứng hai bên là Ngài Quán A? và Thế Chí.

Chạm từ năm 470 - 493 thời Bắc Ngụy - năm Thái Hoà thứ 7 (483)

Động số 12 không có hình Phật, Bồ Tát, chỉ có hình tượng chư Thiên thổi sáo, đàn ca để cúng dường chư Phật trên trần,

Động số 13 chạm Phật Di Lạc cao 13 m

Động số 16 có tượng Phật đứng, cao đến 13.5 m. Có gương mặt giống Vua Đạo Vũ để hậu thế nhớ ơn.

Động số 17 chạm Phật Di Lạc cao 15.6 m.

Động số 18 chạm tam thế Phật cao 15.5m. Đặc biệt là trên y đức Phật có chạm 1,000 tượng Phật do Vua Thái Vũ cho tạc để cầu nguyện tiêu tai ách.

Động số 19 chạm Phật Thích Ca cao 16.8 m , gương mặt tạc hình vuông.

Động số 20 chạm Phật cao 13.7 m. Sắc diện khác hẳn vì được tạc sau này.

Đặc biệt hơn hết là tượng Đúc Bản Sư rất to ở động số 5, gần như lộ thiên đang ngồi kiết già, gương mặt Ngài hoan hỉ, mắt mở hơi lớn nhìn chúng sinh, hai bên là tượng hai Ngài Ca Diếp, A Nan nhỏ hẳn đi. Từ tượng này vào sâu nữa chẳng có gì ngoài những công trình chưa hoàn tất, bao giờ xong nhỉ? Tôi chưa thấy ai làm tiếp tục cả ... bởi vậy, xây dựng lên thì khó mà đập phá rất dễ. Hướng dẫn viên du lịch khuyên tôi nên quay lại, đi sâu vào trong rất nguy hiểm. Trên đường về, tôi chợt thấy cậu bé nhỏ bày bán chút ít đồ đồng, đồ đá mới xuất hiện tự khi nào, mời tôi mua hàng ...tôi muốn giúp cậu nhỏ này nên mua ...hớ ... vài món hàng, cậu năn nỉ tôi dấu những thứ này đi, đừng để những người bán hàng dưới kia thấy sẽ đánh cậu. Từ nơi cậu bé ngồi bán hàng xuống đến dưới kia xa chừng hơn một cây số nên tôi có đủ thì giờ cất hàng mua được vào trong giỏ.

Rời Vân Cương Thạch Động hơi trễ sau vài giờ thăm viếng, trễ nải vì một số quý vị trong đoàn mượn chụp hình nhưng chưa trả tiền, hình chưa xong nên họ bu lại níu xe lại không cho đi. Một số người trên xe đã đồng ý dân vùng này có tiếng đồn là dữ. Tôi trái lại không đồng ý, tôi thấy họ làm vậy cũng phải, vì họ quá nghèo, lâu lâu mới có môi lợi sông qua ngày, họ đâu có chịu

bị thua thiệt. Khách du lịch giàu có hơn họ nhiều, sao không chịu trả tiền cho họ trước đi rồi hẳn đi đâu thì đi.

Công việc hoàn tất, chúng tôi xuống phố thăm chùa và bức tường có năm con rồng. Chùa không có nơi đậu xe nên chúng tôi phải xuống xe ở một nơi khác, rồi đi bộ một khoảng xa, vào tận ngõ ngách mới đến chùa. Chùa tọa lạc trong một con hẻm, cổng tam quan nhỏ, cũ kỹ, rỉ sét, phía trước có lu hương. Đường đất loang lổ những ổ gà đọng nước, phong cảnh thật buồn thảm, tiêu điều. Hoa Nghiêm tự, một ngôi chùa duy nhất có cửa xoay về phương đông, thay vì hướng Nam như hầu hết các chùa ở Trung Quốc. Chùa gồm có hạ và thượng Hoa Nghiêm.

Chùa hạ Hoa Nghiêm: xây cách đây 1500 năm vào Thái Hoà năm thứ 8, 484 sau Tây Lịch. Một tượng Phật lộ thiên bằng đồng bày giữa sân chùa. Có lẽ trước đó được thờ trong chính điện. Tượng Phật, chùa, chuông đồng ... đều dãi dầu sương gió, mưa nắng nên trông thật thô lương.

Chùa xưa quá mà không được trùng tu lại nên trông xiêu vẹo, âm u, hầu hết tượng trong chùa bằng đồng, đã lên màu xanh, là những món đồ cổ rất quý. Sân gạch đã mòn, mái ngói rêu phong, cột kèo mục nát, nơi thờ phượng lại tối om, các vị Phật và Bồ Tát đứng ngồi thảm lặng trong bóng tối trông thật tang thương. Chúng tôi không ở lâu, chỉ lễ Phật rồi lui ra vì thời giờ có hạn.

Chùa có bảo tàng viện lớn nhất trung nhiều đồ đồng, đồ đá rất quý, giá trị mấy ngàn năm lịch sử. Đặc biệt là những ngà voi hoá thạch rất lớn. Bảo tàng viện tươm tất, lịch sự, tân kỳ vì có người chăm nom cẩn thận, tôi thăm mệt nên không đi hết.

Chùa thượng? Hoa Nghiêm: đang trùng tu, không được phép vào.

Trưa hôm ấy, sau khi dùng cơm, chúng tôi có dịp đi dạo trên hè phố tỉnh Sơn Tây để đến thăm Ngũ Long Bích nằm trong một khuôn viên nhỏ có bốn bức tường bao quanh. Ngũ Long Bích nằm chơ vơ ở tận cuối tường, xung quanh khuôn viên, những cửa hàng nhỏ bán đủ thứ, giá rẻ, nơi đây là tỉnh miền núi nên trông mộc mạc.

Ngũ long bích: Trên tường có chạm 5 con rồng. Đây là bức tường thứ hai có chạm rồng từ đời Chu Nguyên Chương - nhà Minh. Ở cổ cung cũng có một bức.

Thành phố lúc nào cũng mờ mờ phủ màu đen do bụi than đá đem lại. Tuy nhiên, thành phố khá thơm mát cho khách ngoại quốc đến thăm viếng.

Rời thành phố, chúng tôi đi viếng một công trình kỳ lạ "độc nhất vô nhị" ở Trung Quốc đó là chùa Treo. Gọi là chùa Treo vì từ nhìn xa, trông như chùa được treo lơ lửng trên sườn núi thật ngộ nghĩnh, dễ thương. Vách núi đá cao lớn, xám xịt, hùng vĩ một toà giữa thiên nhiên lạnh lẽo, bỗng nhiên, điểm trên ấy, lác đác vài gian nhà nhỏ, mái ngói đỏ, cong, vách gỗ nâu bóng, có bao lơn thấp phía trước xinh xắn. Cảnh một mái chùa đủ làm ám áp cõi lòng người giữa chốn rừng thiêng sông núi, trông trải như nơi đây. Trước khi đến chùa Treo, chúng tôi phải đi qua chiếc cầu Treo chòng chành, chao qua, chao lại. Dưới cầu, chẳng có nhiều nước mà toàn là đất đá. Cảnh vật nơi đây thật hoang vu, cằn cỗi, không một bóng cây xanh, may thay, phía bên trái có ngọn suối chảy róc rách từ núi cao xuống con lạch làm tươi mát phần nào. Hai bên đường đến chùa có những chòi vải dựng lên sơ sài, bày vài món hàng nội địa bán cho khách hành hương như tranh ảnh, tượng Phật, chuỗi tràng ..... Đi một đoạn khá xa, mới đến được chân núi, đường dẫn lên chùa đục vào núi thành những bậc thang rộng hẹp, cao thấp không đều. Các cụ già không dám leo lên vì khá hiểm trở. Chùa có ba tầng, tầng cao nhất, ít người lên vì leo khó, cầu thang lên chùa bằng gỗ chống vào sườn núi trông rất nguy hiểm, lang cang chống lại thấp, không an toàn. Một phần của chùa này được dán dính vô vách núi là những điện thờ Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp và Chư Thiên. Phần nhô ra là ngõ vào chùa thông với cầu thang, gọi là hành lang hay bao lơn gì cũng được. Toàn thể sức nặng dồn xuống những cây cột đóng vào sườn núi phía dưới. Tuy thấy có hơi mạo hiểm, nhưng tôi đã leo lên ngôi chùa cao nhất.

Gọi là chùa cho long trọng, chứ thật ra chỉ là những điện thờ nhỏ chùng vài thước vuông như một cái hang, trong có tượng đã bị tàn phá đến đau lòng người Phật Tử.

Có điện đóng hẵn cửa từ cầu thang, không cho vào vì nguy hiểm. Có điện chỉ cho đứng ngoài nhìn vào, và có điện được vào hẵn bên trong, trước bàn thờ, dưới đất có gôi và manh chiếu để lễ. Không một tượng nào còn nguyên vẹn, phần lớn bị cụt tay, móc mắt, xẻo mũi, cà mặt trông thật tội nghiệp. Thương tâm nhất là tượng đức Bổn Sư bị cụt tay, hai bên, hai Ngài Ca Diếp và A Nan bị phá hủy hình hài, nhưng sao tôi thấy từ các vị nơi đây, vẫn còn phát ra được tướng hảo trang nghiêm, một vẻ đẹp thù thắng, bất sinh, bất diệt. Tôi leo lần lên ngôi điện cuối, cao chót vót trên không, nơi đây vắng vẻ, ít người lui tới nên tĩnh mịch, ngôi điện đầu khá to nên tôi vào hẵn bên trong

lễ Phật. Tâm hồn bình lặng, nhìn xung quanh, bất giác tôi an lạc không ngờ khi nhìn thấy cảnh giới Tây Phương Cực Lạc được trình bày trong ngôi điện này. Điện có rất nhiều tượng bị đập phá sơ sơ nên vẫn còn nét đẹp thanh thoát, trang nghiêm cõi tịnh độ. Trên trần là chư Thiên trời nhạc, rải hoa cúng dường chư Phật, Bồ Tát. Đứng hẳn bên ngoài bàn thờ Phật có hai vị Hộ Pháp to lớn như người thật. Tất cả những tượng chùa này làm bằng đá hay đất nung sơn phết màu sắc sặc sỡ, có tượng được mặc áo hay choàng khăn. Trông thô sơ, mộc mạc, chân chất, phản ánh rõ rệt tâm hồn người dân vùng này vào những thế kỷ trước.

Lễ lạy xong, tôi cẩn thận leo hay ... bò xuống, lạ quá, người xưa xây bao lơn đi xuống sao mà dốc ngược ra phía ngoài, sơ ý rất dễ mất thăng bằng mà lộn nhào.

Tưởng rằng đi đã hết, bất giác, tôi đi ngang qua một điện nhỏ có Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát đứng trong đó làm tôi chú ý bước vào. Tượng thật trang nghiêm và hảo, nhưng hơi buồn tủi vì đóng cẩu bản như khung cảnh xung quanh. Bên cạnh tượng là chiếc bàn gỗ đầy bụi bên trên có phích nước, vài cái ly uống nước cùng cái ấm nhôm, có một hai chiếc ghế. Tôi ngửi thấy mùi thịt cá nấu chín bay lên nồng nặc, nhìn sang bên điện kia, có chiếc võng đong đưa, một vài người trong ấy nhìn lại tôi. Thì ra, họ đã biến điện thờ ở từng trệt thành nơi trú ngụ, không chừng, họ là những người trông nom, quét tước Chùa này. Tôi thương Ngài Địa Tạng phải ở đây, nhưng chợt nhớ Ngài còn vào tận địa ngục nữa là ... xá gì nơi đây.

"Xuống núi", chúng tôi mua sắm, nghỉ ngơi, thư giãn một chút rồi lên đường đi núi Ngũ Đài. Đường đi từ đây đến chân núi Ngũ Đài mất khoảng bốn giờ nên chúng tôi phải chuẩn bị tinh thần ngồi xe. Xe chạy dần dần lên núi cao, một bên thung lũng, một bên vách núi cheo leo, đường xá khá tốt nên xe chạy êm ru. Dưới thung lũng, vườn tược xanh tươi với những ruộng lúa, luống rau tươi, xanh mướt như ngọc, lác đác vài mái nhà tranh, vách đất. Vách núi, cây đại mộc đầy lờm chờm, cây non xanh biếc, cây già vàng úa, những cụm mây thấp trôi lơ lửng giữa hư không tạo nên cảnh giới huyền ảo khi trời chiều buông xuống êm đềm.....

---o0o---

### Kỳ III

Đến mãi chín mươi giờ khuya, xe mới đậu lại ở một nhà hàng "Quốc Doanh" để chúng tôi ăn tối. Ngũ một giấc dài, chúng tôi cảm thấy mệt hơn là đói, nhưng cũng phải vào ăn chút đỉnh để dẫn bụng khi đói. Thức ăn miền núi nhạt thêch như nước ốc, muối thiếu thốn trầm trọng ở nơi đây. Thức ăn dọn lên nhiều món như tiệc, như cỗ có món ngon, món dở, nhưng tôi thèm ngủ nghỉ hơn ăn uống. Khách sạn nằm dưới chân một trong năm dãy núi, có lẽ nơi đây ít người thăm viếng nên khung cảnh khá yên tĩnh, nghe nói ban đêm phải đóng cửa sắt cẩn thận phòng thổ phỉ.

Ngũ Đài sơn không những là một trọng điểm của Phật giáo Trung Hoa, mà còn là một công trình lịch sử và văn hóa. Có tất cả 32.869 kinh kệ Phật giáo tàng trữ nơi đây, trong đó ít nhất có hơn 16 ngàn bộ kinh quý.

Ngũ Đài sơn là một vùng núi bao la hiểm trở, với 5 mặt bằng trên 5 ngọn núi cao, nên được gọi là Ngũ Đài. Vùng núi này có độ cao trung bình 2 ngàn thước, từ đài phía Bắc đến đài phía Nam cách nhau 120 cây số. Mùa Hè nhiệt độ trung bình là 10 độ C, mùa Đông có khi xuống âm 20 độ.

Chúng tôi khởi hành từ sáng sớm đi thăm chùa Lạt Ma Tây Tạng, nằm chỉ dưới chân Ngũ Đài. Chùa lớn, rộng, kiến trúc, Tượng và tăng sĩ hoàn toàn theo Tây Tạng, có nhiều điện thờ, có điện chính thờ đức Văn Thù thật to. Điểm bật cười là chúng tôi vào ngôi cổ tự này bằng cửa sau và ra bằng cửa trước vì ban tổ chức tránh cho chúng tôi phải leo lên mấy trăm bậc thang. Nhưng cổng trước ngôi chùa này thật là hùng vĩ với cổng tam quan nguy nga, đồ sộ, cản phù điêu lộng lẫy, trước mặt cổng có đặt một lu đồng lớn, khói hương nghi ngút. Nhìn xa xa phía bên kia, đồi núi chập chùng, xen kẽ vào những mái chùa cong, nhưa thốt những ngôi nhà tranh. Nhìn xuống phía dưới, có một bức tường sơn màu vàng, vẽ một chữ PHẬT to màu đỏ, đập liền vào mắt người Phật tử. Trước sân chùa, có một khoảnh đất trống khá lớn, dân địa phương đến đây bày bán các Phật cụ như chuông mõ, tràng hạt, hình tượng ...người qua, kẻ lại, nườm nượp, tấp nập, xô lấn nhau như cơn thác lũ.

Chúng tôi bước lên xuống cầu thang để ra xe viếng một ngôi chùa khác. Khoảng đường từ cổng chùa ra đến xe mới dễ thương làm sao khi chúng tôi đi ngang qua một khu phố nhỏ, hai bên đều có cửa hàng bán Phật cụ, tiệm nào cũng vãn bán niệm Phật vang rân lên cả khu phố, phố xá chỉ thấy toàn là các vị Lạt Ma áo đỏ thắm và các Phật tử hành hương, có nhiều vị "nhất bộ nhất bái" hay "tam bộ nhất bái trên đường đi đến chùa. Trong đoàn, ai nấy

như lạc vào "mê hồn trận" khi thấy quá nhiều thứ để thỉnh về. Phải khó khăn lắm lắm, ban tổ chức mới "lùa" được đầy đủ chúng tôi ra đến xe.

Chùa kế tiếp ở Ngũ đài còn rộng và mát hơn cả chùa trước vì đã được Vua sắc phong và cho xây dựng, trùng tu lại. Chùa có tên là Nanshan,, tôi không biết dịch ra như thế nào cho ổn. Tương truyền là nhà Vua đến đây, đứng ở một vị trí đặc biệt phía sau điện Tứ Thiên Vương đã thấy con rồng, vua cho đó là điềm lành nên đã tới lui nơi này. Chùa có điện thờ Ngài Văn Thù cao lớn, các điện nhỏ khác cũng thờ Đức Thích Ca, Ngài Văn Thù, Phổ Hiền Quan Thế Âm.

Sân chùa mát nên chúng tôi ngồi lại chơi, nghỉ ngơi, trước khi di chuyển sang nơi khác. Tôi quan sát thấy các vị tu sĩ sinh hoạt nơi này khá đông, có vị đang đi, hay ngồi thiền, có vị ngồi lần chuỗi niệm chú, niệm Phật, lại có vị khác đang quét sân hay đi thơ thân với một tảng thân khác. Khung cảnh thật thánh thoát, êm ã. Sau mười một giờ trưa , tôi nghe có tiếng bảng báo đến giờ thọ trai, các Thầy ở khắp nơi, túa ra đi thành từng hàng thật trật tự đến một nơi khác mà tôi đoán là nhà ăn.

Chót vót trên núi cao trong khuôn viên chùa, nổi bật nhất là ngôi chùa vàng, ánh vàng đã toả sáng, chiếu long lanh dưới ánh sáng chói lọi của mặt trời. Chùa dát vàng cả trong lẫn ngoài, tôi thấy có âm hưởng giữa kiến trúc Thái Lan và Tây Tạng. Chùa nhỏ nên chỉ giới hạn có mười người lên từng đợt một. Trong chùa, thờ đức Văn Thù cũng bằng vàng, bốn bên tường đều có tượng khắc vào vách, tôi không nhận diện được là vị nào, có lẽ, là Ngài Văn Thù.

Thăm viếng chụp ảnh, quay phim xong, chúng tôi đi ăn trưa ở một quán ăn chính phủ, thức ăn miền này nhạt nhẽo quá sức.

Âên xong, tranh thủ thời gian đi đến một nơi khác ở núi Ngũ Đài, chúng tôi đi bằng dây cáp lên một ngôi tháp tự khác, từ đây đi bộ vào khá xa, núi trùng điệp chồng chất lên nhau thật hoang dã, đường đi được lát gạch an toàn.

Chùa có điện Văn Thù to, ngoài ra cũng không có gì nhiều để ngắm nên lại đi xuống để viếng thăm nơi khác.

Trong lúc viếng thăm một ngôi chùa nơi đây, phái đoàn chúng tôi được sự lưu ý của một vị Ni người Tây Tạng, thế là vị ấy cung thỉnh Hoà Thượng, Tăng Ni, Phật tử về chùa thăm viếng, ủng hộ tài chánh trùng tu chùa.

Chùa toạ lạc trên một triền núi được xan bằng, chùa rất xưa và đã đổ nát nhiều nơi, những nơi ấy dường như bị quên lãng, khiêm nhường, lui vào bóng tối để những ngôi điện khác được dựng lên rãi rác theo khuôn viên nhà chùa. Phật tử hoan hỷ phát tâm cúng chùa rất ư là hậu hỷ, mỗi người chúng tôi đều được chùa tặng cho một hình đức Văn Thù được in trên thẻ dát vàng(giả) mống.

Đây là ngôi tự viện cuối cùng chúng tôi thăm viếng ở Ngũ Đài. Trên đường về khách sạn, tôi ước mơ được nhìn thấy những trái cầu lửa bay vùn vụt trên không trung như đã đọc được qua nhiều sách vở. Tôi và một vài vị ngồi phía dưới đồng ý với nhau là ăn cơm tối xong đêm nay, sẽ nhờ tài xế lái lên núi cao để nhìn. Ước muốn như thế, nhưng không thành vì được người địa phương cho biết là chúng tôi còn ở một nơi quá thấp, phải lên ngọn Trung đài vào những ngày rằm, mừng một thì hoạ may mới thấy được. Hơn nữa, khách sạn (hay đảng Cộng Sản Trung Quốc) rất nghiêm ngặt, không cho khách hành hương đi đâu lờn vờn bên ngoài mà không có sự kiểm soát của công an.

7 giờ sáng ngày 11 tháng 6, chúng tôi lên đường đi Thái Nguyên, ví từ Ngũ Đài sơn không có đường xe lửa đi Lạc Dương. Đoạn đường bộ này dài 4 tiếng đồng hồ. Đến nơi, trời mưa như trút nước làm thành phố bị ngập lụt giống như quê nhà, chẳng thăm viếng đâu được, chúng tôi ghé vào nhà hàng dùng cơm trưa. Chiều chiều, mưa bớt dần nên may mắn là dọc đường đoàn ghé lại xem khu vườn của Hoàng Tử và Công Chúa nghỉ mát ngày xưa. Trời mưa lác phác, tôi không khoẻ nên không xuống xe, ngồi trong xe, ngắm mưa phùn rơi lác đác và mua trái Lê Chi (vải) ăn cũng thú lắm chứ ....

Lần thứ 2 đi xe lửa, chúng tôi cảm thấy thích nghi hơn. Đúng 8 giờ 15 phút, đoàn chúng tôi đến Lạc Dương. Lạc Dương là một thành phố lớn, đẹp, kỹ nghệ đứng hàng thứ bảy trên toàn quốc. Điểm đặc biệt ở Lạc Dương có những hang động khắc vào núi đá gọi là Long Môn.

Đón chúng tôi là một hướng dẫn viên nói được tiếng Việt tuy không thạo lắm. Ông nguyên là giáo sư dạy Việt ngữ cho người Trung Hoa tại đây. Và điểm đầu tiên chúng tôi đến viếng là Long Môn. Một Phật tích nổi tiếng này nằm cách Lạc Dương 13 cây số về phía Nam. Có 2 dãy núi nằm đối diện nhau, con sông Yên xuôi chảy ngay giữa. Đây là 1 trong 3 đại công trình điêu khắc hoàn hảo nhất Trung Quốc. 2 công trình kia là ở Đền Hoàng và Đa Tòng.

Dãy núi này chạy dài 2 cây số, có cả ngàn động khác nhau, mỗi động đều chạm các vị Phật, Bồ Tát, như tượng đứ A Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, Ca Diếp, A Nan, Thích Ca. Có tượng cao đến 6, 7 mét. Công trình được bắt đầu từ đời nhà Hán cho đến đời nhà Tống, tức là vào khoảng thế kỷ thứ 13 mới hoàn thành. Có tất cả 2345 hang động, 2800 bảng văn tự, 40 ngôi chùa Phật giáo và trên 1 trăm ngàn hình ảnh điêu khắc trên vách núi 2 phía Đông và Tây. Động được chạm trổ bởi 800.000 nghệ nhân trải dài hơn sáu thế kỷ. Nhiều triều đại đã cho thực hiện những hang động trong thời của mình. Đa phần tạc vào đời nhà Đường đều có gương mặt tròn trịa. Nhiều nhân vật quan trọng cũng đã làm cho riêng mình. Tất cả các tượng Phật, Bồ Tát, thánh hiền tạc được điêu khắc tuyệt mỹ, tướng hảo trang nghiêm làm các Phật Tử trong đoàn vô cùng cảm xúc, phủ phục quỳ lạy hay vái xá trước mỗi tượng.

Có động chạm đến 10.000 tượng Phật, có động khắc hình hoa sen trong đá trên trần rất sống động, gọi là Liên Hoa Động. Đáng kể nhất là pho tượng lớn nhất ở đây cao 17 thước. Riêng cái đầu cũng đã là 4 thước. Tượng Đức Phật Thích Ca có vàng trán rộng, đôi mắt đẹp, và gương mặt hiền hòa.... Ngài A Nan ở phía bên phải, dịu dàng và trầm lặng. Tượng 2 Ngài Phổ Hiền và Văn Thù Bồ Tát cạnh bên. Phía bên kia là 2 phật tử, theo cách thức trang phục thì có lẽ thuộc giới quý tộc. Tuy Long Môn là một công trình của Phật giáo, nhưng những điêu khắc gia đã vượt ra khỏi khuôn khổ của tôn giáo, để tạo những hình ảnh sống động đầy kinh nghiệm. Tôi nghĩ rằng những nghệ nhân này phải thả hết tâm hồn về Phật Pháp, sống trong Phật pháp và tinh thức chánh niệm mới tạo ra một công trình vô tiền khoáng hậu như thế.

Từ xưa, nơi đây được chọn là nơi đẹp nhất trong 8 điểm du ngoạn của thành Lạc Dương. Quả thật Long Môn rất hấp dẫn du khách. Nhất là với những rừng thông xanh 2 bên sườn núi soi bóng xuống giòng sông Yên. Chẳng những đây là 1 công trình mỹ thuật của Phật giáo, mà còn là một nơi mà ngày nay nhiều nhà khảo học tìm tới để trao dồi về tín ngưỡng, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc, thời trang và cả y học. Chẳng vì vậy mà Long Môn được xem như một bảo tàng viện vĩ đại về ngành điêu khắc đá. Thêm một lần nữa, chúng tôi lại lóe mắt trước các Phật tích Trung Quốc và bái phục tài nghệ cùng ý chí người xưa, càng khâm phục và sùng bái bao nhiêu lại càng thương xót cho những tượng Phật, Bồ Tát bị Cách Mạng Văn Hoá tàn phá dã man, độc ác. Họ đã móc mắt, thêu mũi, chặt cụt tay chân các tượng, có tượng còn bị hót luôn cả gương mặt nên trông rất thê lương. Tuy nhiên, có nhiều tượng đang trong thời kỳ được chỉnh đốn lại. Những hang



động đều nông, có cửa chắn lại, du khách chỉ đứng bên ngoài nhìn vào. Đường đi dọc theo vách núi có những tượng lộ thiên hay khuất vào trong hang dài để chừng đến vài cây số. Chúng tôi dừng lại ở tượng đức Phật lớn nhất, ở tận trên cao, theo truyền thuyết thì đây là gương mặt của bà Võ Tắc Thiên, dân chúng thương và tôn bà là một vị Phật sống vì trong thời đại bà cai trị, nước Trung Hoa hùng mạnh, dân ấm no hạnh phúc. Bà là một tín đồ ngoan đạo, khi nghe giảng về kinh Hoa Nghiêm, đã chột khai ngộ và làm ra bốn câu thơ lưu truyền đến nay:

Vô thượng thậm thâm vi diệu Pháp

Bá Thiên vạn kiếp nan tao ngộ

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì

Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

Nếu đúng là tượng tạc theo gương mặt bà thì quả thật là bà đẹp phúc hậu quá. Đi vào sâu nữa cũng nguy hiểm và hết thì giờ nên chúng tôi quay trở về,

Và không xa Long Môn, vẫn trong địa phận Lạc Dương, chúng tôi viếng bái một ngôi đền rất quan trọng. Đó là đền thờ Quan Công, còn gọi là Quan Vân Trường. Rất nhiều người Trung Hoa, cũng như nhiều dân tộc khác, thờ cúng Ông Quan Công như một vị Thần. Nhưng người Việt Nam mình thì không có quan hệ gì với ông cả để mà thờ phụng.

Khi nhà Hán bị suy đồi, nước Tàu chia ra làm 3 phần : Ngụy, Thục và Ngô. Đất Ba Thục là vùng Tứ Xuyên ngày nay. Quan Vân Trường cùng 2 người anh em kết nghĩa là Lưu Bị và Trương Phi dấy binh hùng cứ phương này. Trường hợp này cũng tương tự như các anh em nhà Tây Sơn của Việt Nam. Ông Quan Công là một người vũ dũng can trường, với cây thanh long đao nặng 80 cân, tên của Ông làm cho kẻ địch khiếp vía. Nhưng có lẽ, Ông là người hơn ai hết có đủ 5 đức tính NHAÂN, NGHĨA, LỄ, TRÍ, TÍN.....Khi phò nhị tẩu, Ông chông đèn đọc sách thâu đêm để tránh lời dị nghị. Lúc ở Huê Dung Đạo, Ông buông tha Tào Tháo để giữ cái nghĩa. Năm 219, tuy có lời khuyên của quân sư Khổng Minh Gia Cát Lượng, vì cái oai dũng, Ông “ ĐI ĐẠI LỘ, VỀ ĐẠI LỘ”, nên bị phục binh ám hại. Đầu của Ông bị kẻ địch đem dâng Tào Tháo. Tháo sai người làm hình nộm bằng cây để rắp đầu Ông vô, và đem chôn tại đây.

Sau một đêm ngủ thật yên giấc, sáng ngày 13 tháng 6, chúng tôi đi viếng Bạch Mã Tự. Tưởng cũng xin nói thêm, Lạc Dương là một thành phố cổ xưa, từng là kinh đô của 13 triều đại. Có thể ví như Lạc Dương là trung tâm của Trung Quốc. Tuy nhiên chiến tranh đã tàn phá rất nhiều di tích lịch sử nơi đây. Lạc Dương ngày nay có hơn 6 triệu dân, gồm 1 thị trấn, 6 quận và 8 huyện. Theo đà phát triển của nền kinh tế mới, Lạc Dương hiện nay đã xây dựng được 10 nhà máy lớn, quan trọng hơn hết là nhà máy thủy tinh và nhà máy đúc gạch..

Bạch mã tự nằm cách thành phố 13 cây số. Đây là ngôi chùa đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc vào năm 67 sau Tây lịch thời Đông Hán (Minh Đế).

Trước chùa có cổng tam quan, bên trái có dựng tượng một con ngựa trắng chở kinh điển, hai bên đường vào cổng chùa còn lưu lại hai ngôi mộ rất lớn bằng đá của Ngài Trúc Pháp Lan và Ngài Nhiếp Ma Đăng.

Tương truyền vua Hán Minh Đế nằm mộng thấy một người có hình tướng sắc vàng. Sáng hôm sau, nhà Vua hỏi thì có một quan văn thưa rằng:

"Ở Tây Trúc có một vị Phật ra đời cách đây đã 600 năm, giáo lý đã truyền đạt khắp nơi tại Thiên Trúc. Đó là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chắc chắn đó là điềm lành, xin bệ hạ cho người sang đó thỉnh kinh"

Phật giáo đã phát triển sang Trung Quốc. Vua cho người đi thỉnh kinh và hai nhà sư Thiên Trúc đã dùng con ngựa trắng để chuyên chở kinh sách và tượng Phật đến nơi này. Hán Minh Đế biết được nên ra lệnh cho xây cất chùa để 2 vị sư này truyền bá Phật giáo. Vì những pho kinh cùng tượng Phật được chở trên lưng ngựa trắng, nên chùa có tên là Bạch Mã Tự Kinh được về đến chùa. Kinh về đến chùa vào năm 73 (đúng 6 năm sau khi xây cất), đó là kinh Tứ Thập Nhị Chương (42 điều). Kinh Đại Thừa căn bản cho các Cô Chú Sa Di.

Trong chùa, ngoài tượng 4 vị pháp vương, còn có điện thờ Đức Phật Thích Ca và nhiều điện khác. Có bia khắc bài Tứ Thập Nhị Chương Kinh. Tên nghe quen quá phải không quý vi? Hãy thử hỏi anh chàng Vi Tiêu Bảo trong Lộc Đỉnh Ký của Ông Kim Dung. Tôi cũng được biết thêm là chỉ có Ngài Nhiếp Ma Đăng dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương.

Đời nhà Đường, một vị phi tần bị đày ra đây, về sau trở lại triều đình lên ngôi Nữ Hoàng Đế duy nhất của lịch sử Trung Hoa : Bà Võ Tắc Thiên. Cạnh hai ngôi mộ của hai vị Pháp Sư, có bia khắc hình tượng hai Ngài. Phái đoàn đã tụng hai thời kinh ở nơi đây, chùa rộng, mát, đi không hết nổi. Tôi cố phối hợp giữa xưa và nay trên một phiến diện nào đó của thế giới trong giây phút hiện tại nhưng hoàn toàn bất lực. Nhờ một vị Tăng đưa đường, chúng tôi đến một ngôi tháp thờ xá lợi móng tay Phật. Đó là ngôi tháp 13 tầng, cách Bạch Mã Tự 5 trăm thước, xây cất trên một khoảnh đất rộng, cao từ đời nhà Đường, bị phá hủy rồi xây cất lại vào đời nhà Tùy, cách đây 800 năm. Đường như cái tháp cần phải được bảo quản cẩn thận, trước khi bị thời gian phá hủy nữa.

Chúng tôi the Hoà Thượng và Tăng Ni đi nhiều quanh tháp ba vòng rồi sửa soạn ra về.

Trưa hôm đó, chúng tôi vượt núi Thiếu Thất để viếng một ngôi chùa có thể nói là nổi tiếng nhất thế giới về võ thuật cũng như phim tập. Chùa Thiếu Lâm để dùng cơm trưa. Ngay lưng chừng núi đã bao trùm một không khí võ thuật. Sự thật hầu hết cư dân quanh vùng đều trực thuộc các võ đường. Chúng tôi thấy các chú đang mặc đồ võ, màu sắc khác nhau, đi khắp nơi trên đường tạo cho du khách một cảm giác lạ là như đang lạc vào thế giới của võ lâm thực sự.

Thiếu Lâm Tự thuộc tỉnh Hồ Nam, trên ngọn Tung Sơn. Các nhà sư Ấn Độ đã rất kinh ngạc trước nền võ thuật khi tìm thấy ngôi chùa năm 497 sau công nguyên. Thật ra chính vị trí tọa lạc của chùa Thiếu Lâm, cộng với lịch sử Trung Quốc tạo ra môn võ Thiếu Lâm. Chùa nằm ngay trên ngọn núi bao bọc bởi những cánh đồng mênh mông, là địa điểm lý tưởng cho các tướng quân thất trận, các phần tử chống đối triều đình, và các phần tử trốn tránh pháp luật. Họ tề tụ nơi đây, tạo thành một lực lượng khá hùng mạnh. Nhà chùa với lòng từ bi của Đức Phật, đã dễ dàng chấp nhận cho những nhóm người này nương náu. Hầu hết, họ là những người giỏi võ, nhiều kinh nghiệm, và họ sẵn sàng trao đổi võ thuật cùng những điều hiểu biết cho nhau. Mặt khác, để bảo vệ đất đai, tài sản của chùa do vua ban, tu sĩ trong chùa được huấn luyện võ thuật, và được đào tạo như những đội binh tinh nhuệ.

Khi Bồ Đề Đạt Ma vị tổ thứ 28 từ đời ngài Ca Diếp và tổ thứ nhất ở Trung Hoa, là vị sư từ Ấn Độ sang, đã mang một nền Phật giáo mới, thích hợp với người dân bản xứ, Thiếu Lâm Tự phát triển mạnh mẽ. Khi tổ từ Ấn Độ sang

Trung Hoa để mang tâm Thiền đến. Ngài đã gặp vua Lương Võ Đế, Vua khoe đã xây nhiều chùa, đúc chuông, tạc tượng, đào tạo tăng ni, như thế có công đức gì chẳng. Tổ khẳng định là không có chi cả, (vì đó chỉ là phước báo hữu lậu chứ không phải công đức vô lậu), Tổ không giải thích điều này với Vua, Vua nổi giận lôi đình, vì thấy rằng Vua chưa hiểu nổi được ý của Thiền, ý của Tổ nên đã vào núi Thiếu Lâm ngồi ‘diện bích’ (mình vách tường) chín năm ròng.

Bồ Đề Đạt Ma ngụ tại chùa Thiếu Lâm, hoành dương Phật pháp từ năm 528.

Giáo lý của Ngài chấp nhận tất cả, chỉ cấm giết người, cướp của, trộm cắp, lường gạt và tà dâm. 70 phần trăm Phật giáo Trung Hoa đều theo.....

Võ Thiếu Lâm bao gồm cả nội và ngoại công. Có nghĩa là võ Thiếu Lâm, khi tấn công thì như hổ, mà khi phòng thủ thì uyển chuyển như con gái. Căn bản của Thiếu Lâm là tay, mắt, thân mình và chân. Tay thì ở giữa thế móc câu và thẳng. Mắt luôn luôn quan sát địch thủ, đoán biết được ý định của kẻ địch. Thân mình phải vững và dẻo. Chân thì khi nhẹ như chim bay, khi nặng như búa tạ.

Thật ra khi Bồ Đề Đạt Ma hoành dương Phật pháp tại chùa Thiếu Lâm, các sư sãi trong chùa tập 18 bài quyền để thư giãn gân cốt sau nhiều giờ ngồi thiền định. Những bài như hầu quyền, hổ quyền, v...v... được đặt ra để chống lại các

giống ác thú. Thời gian đó nhiều võ sư khắp nơi thường đến Thiếu Lâm Tự để trao đổi thêm quyền thuật. Đến cuối đời nhà Thanh, chúng ta biết có hàng trăm

bộ môn quyền cước Thiếu Lâm lưu truyền đến ngày nay như xà quyền, long hổ quyền, mai hoa quyền, v...v.... Thiếu Lâm công phu cũng bao gồm nhiều loại

vũ khí. Trong lịch sử, sư tăng chùa Thiếu Lâm đã dùng côn để đánh đuổi giặc Phù Tang, và dùng côn để giải cứu Lý Chí Minh, một vị Hoàng Đế đời nhà Đường. Nhiều côn pháp đã thất truyền. Có lẽ chỉ còn lưu lại không quá 30 loại như Tề mi côn, phong hỏa côn, v...v...

Chùa Thiếu Lâm cảnh trí hùng vĩ, hai bên đường vào chùa có trồng hai hàng tùng bách xanh tươi, dễ chừng hơn 1.000 năm. Chùa được xây vào năm 490 bởi một vị sư Ấn Độ. Các phòng, các điện có thể nói là trùng trùng điệp điệp. Đây là một phòng luyện võ mà mặt đất trải đá cứng bị lồi lõm dưới gót chân nhiều nội lực. Chùa có rất nhiều điện thờ, đặc biệt nhất là điện có thờ một miếng đá lấy được từ nơi Tổ đã ngồi lâu đến độ in bóng vào. Tôi đã nghe truyền thuyết này đã lâu, nhưng nửa tin nửa ngờ, đã ao ước (lại ước ao ...) được nhìn tận mắt xem ra sao? Thì ... quả thật ... tôi đã thấy gương mặt nghiêng của Ngài hiện lên trong miếng đá, nhìn một góc cạnh khác thì thấy toàn thể thân Ngài đang ngồi kiết già. Lại một điều là trong đoàn, có vị thấy Ngài, có vị nhìn mãi cũng chẳng thấy gì? Phải chăng là do tâm tạo? Chỉ có một điều lạ là khi nhìn thấy Ngài rồi thì tâm tôi rất an, mắt tôi thấy sáng. Lạy Tổ, chắc ngài đã an tâm cho chúng con rồi.

Phải có nhân duyên lắm, chúng tôi mới được phép viếng phía sau chùa Thiếu Lâm, trong một khu đất rộng lớn, nơi có những ngôi tháp và mộ của các vị cao tăng trong phái. Khi các vị cao tăng viên tịch thì được trà tỳ và nhập tháp tại đây. Tổng cộng hơn 200 ngôi tháp lớn nhỏ, nhiều tháp rất xưa, kiến trúc kỳ lạ. Tôi chưa từng thấy qua, vườn cây xanh um tươi mát, cảnh trí bày âm u, tịch mịch trong trời chạng vạng chiều tại đây. Lẽ ra cũng hơi rờn rợn chứ, nhưng ngược lại, nơi đây thật thanh vắng, yên tĩnh. Có lẽ vì là tháp của các vị Tổ nên không có gì đáng sợ như bãi tha ma, mặc dù nơi đây ... cũng là vậy.

Nếu biết hết được lịch sử của những ngôi tháp này, là biết được cận kề lịch sử chùa Thiếu Lâm. Rất tiếc thời gian không cho phép chúng tôi lưu lại lâu hơn, vì trời bỗng đổ cơn mưa. Dù sao, chúng tôi cũng hết sức thỏa mãn vì đã thối sự viếng được chùa Thiếu Lâm như đã hằng mơ ước từ lâu.

---o0o---

## Kỳ IV

Viếng thăm Thiếu Lâm Tự không được lâu, duy chỉ một buổi chiều thì trời đã nhá nhem tối, lại mưa lất phất nên chúng tôi phải rời nơi đây gấp để đi ăn tối rồi về ngủ tại khách sạn ở phủ Trịnh Châu. Sáng hôm sau, máy bay của hãng China Southern cất cánh lúc 8 giờ đúng đi Trưng Khánh, đưa chúng tôi về phương Nam.

Trùng Khánh một thành phố rất lớn, là thủ phủ của Dân Quốc thời kháng Nhật, có đến hơn 50 chiếc cầu bắc ngang qua sông Dương Tử. Vì ở tận phía Nam, xa xôi hiểm trở nên các “đồng chí” làm Cách Mạng Văn Hoá chưa đến đây kịp để phá hủy đi các di tích lịch sử Phật giáo. Địa điểm đầu tiên đoàn viếng thăm là Bảo Đình Sơn. Nơi có một công trình kiến trúc nằm sâu trong địa phận Trùng Khánh, là một thung lũng hình lòng chảo. Đường từ ngoài công vào đến trong khá xa, trời lại nắng gắt vì gần xế trưa nên vài Phật tử đi không nổi nữa, phải mượn xe thồ đưa đến nơi. Riêng tôi và một số Phật tử khác đi bộ, tôi thích thú, thông thả thiền hành trên con đường đất như ở quê nhà, một bên là vách núi không cao lắm, một bên là thung lũng có những ruộng lúa xanh rì bên cạnh những ngôi nhà tranh, vách đất, cũng có lũy tre làng đem bóng mát lại cho khách bộ hành. Đây là một vùng núi đá được tạo hình rất đặc biệt, có con suối lớn chảy ngang làm dịu bớt hơi nóng trưa hạ.

Công trình kiến trúc tại đây khởi đầu từ đời nhà Đường, tiếp tục xây dựng qua những triều đại như Tống, Minh, Thanh, và cả thời Dân Quốc hiện đại, tổng cộng hơn 1,300 năm. Còn nguyên vẹn hơn 50 ngàn ảnh tượng điêu khắc và hơn 1 ngàn hang đá của Phật, Lão và Khổng giáo. Phần lớn lấy điểm đặc sắc từ những điển tích lạ kỳ của nhân gian hay thế giới khác. Bảo Đình Sơn là cái nôi của văn hoá Trung Hoa, là nguồn cung cấp tài liệu về tôn giáo, văn học, nghệ thuật, lịch sử, triết học, khoa học, kiến trúc và tập quán. Hơn thế nữa, là sự hòa hợp giáo lý nhà Phật với nền văn hóa Trung Hoa đã chứng tỏ đạo Phật nhập thế, biến chuyển theo từng quốc gia để hoà nhập vào cuộc sống nhân gian qua những hình ảnh của chư Phật, chư Bồ Tát phản ánh đời sống trung thực của con người. Chúng tôi chỉ đi thăm những nơi quan trọng có liên quan đến Phật giáo, chứ không đi sâu vào chi tiết, từ trên cao, nhìn xuống thung lũng, bên vách đá, ba vị Phật đang đứng đây tự bao giờ, hùng dũng, uy nghi, mắt từ thương chúng sinh, đó là: Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật và A Di Đà Phật cao to đến vài thước, màu sắc sơn sặc sỡ nhưng đã mờ dần với thời và không gian. Bên cạnh các ngài, một bức họa Mandala ngoằn ngoèo đủ màu đập thẳng vào mắt như mời gọi du khách cầm máy chụp một kiểu. Đường đi dọc theo vách núi, xuống dần dần, cây cối um tùm, xum xuê tươi mát, nhưng không kém phần an ninh nghiêm ngặt, chúng tôi không được quay phim, chỉ được chụp ảnh không thoải mái vì bị công an chìm theo dõi. Hình tượng, hang động ở khắp mọi nơi dọc theo sườn núi, có tượng tô đủ màu sắc, nhưng cũng có tượng để y màu đá, như tượng đầu đức Thích Ca, điêu khắc rất lạ và đẹp theo miền này màu đá đã sẫm, xám xịt, tượng bàn tay ngài đang bắt ấn cũng thế. Đi sâu hơn, có nhiều hang động nhỏ tạc tượng theo nhiều điển tích khác nhau như Đường Tam Tạng thỉnh kinh, cảnh giới nơi địa ngục, Ngài Mục

Kiên Liên cứu mẹ, Đức Thích Ca phóng quang ở chặn giữa lông màu trắng khi bắt đầu thuyết kinh Pháp Hoa ... Ngoài ra, còn thấy rất nhiều tượng Ngài Ca Diếp và A Nan đứng hai bên hầu đức Thích Ca, và đức Quán Thế Âm. Tôi xúc động, phủ phục trước hai hình tượng, thứ nhất là đức Thiên Thủ Thiên Nhân quá linh thiêng, sống động, đủ cả 1,000 tay và 1,000 mắt. Nhìn hình ngài, tôi cảm thấy như có một luồng thần lực vô hình nào thấm dần thân tâm làm tôi thật nhẹ nhàng, thư thái tôi phát tâm tụng một biến chú Đại Bi. Tượng thứ hai là tượng đức Thích Ca Nhập diệt lộ thiên, cao, to và dài đến hơn vài chục thước, nước sơn đã bị tróc nhiều nơi. Ngài nằm đây, trạm nhiên, bất động, mắt khép hờ, xung quanh có nhiều vị Bồ Tát và chư Thiên đứng hầu. Niềm cảm xúc nơi tôi lại dâng trào, không cầm lòng được, tôi rơi lệ như ngày nào tại Câu Thi Na ....đã thấu triệt rằng dù là bậc giác ngộ, là Như Lai, ngài vẫn bị luật vô thường chi phối để trả thân tứ đại này về lại với hư vô trong nỗi đau khôn cùng, nhưng Ngài không hề để cảm thọ lung lạc trong giờ phút cuối. Rồi Bảo Đình Sơn đã xế chiều, chúng tôi về khách sạn check in, nghỉ ngơi rồi đi ăn tối.

Sáng hôm sau, chúng tôi tới huyện Lạc Sơn thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Chỉ là huyện thôi mà phố xá đã rộng lớn, có nhiều cao ốc khang trang mới xây xong tương phản với những mái nhà lụp xụp cổ kính nằm sát bên dưới. Chúng tôi đi đến bến tàu để ra sông chiêm bái tượng đức Di Lạc nổi tiếng trên thế giới. Chiếc tàu nhỏ đưa chúng tôi và du khách chạy dọc theo sông lớn đến gần pho tượng. Trời trong xanh, gió mát hiu hiu, chúng tôi đang thoải mái hưởng giây phút tuyệt vời trên sông thì bất chợt tàu rẽ sóng quẹo trái đột ngột để vào một hốc đá gần bờ hơn, tốc độ chậm hẳn lại. Cũng chính giây phút đó, chúng tôi "Ồ" lên một tiếng to, thích thú, bàng hoàng khi chợt thấy một kỳ quan thế giới, đức Di Lạc, một pho tượng cổ lớn thứ hai trên thế giới còn tồn tại. Tượng thứ nhất là tượng đức Thích Ca ở đường tơ lụa đã bị nhóm quân độc tài Taliban phá tan tành vì bản chất quá khích, cực đoan tôn giáo. Chiếc tàu chao đảo vì hành khách nhón nháo chụp hình, quay phim, hơn thế nữa, tàu đã đến và đang nằm ngay trên ngã ba hợp lưu của 3 dòng Thanh Giang, Đại Đế Giang và Đan Giang, nước chảy mạnh cuộn cuộn, xoáy tròn ốc, nước đục ngầu đến hãi hùng. Tôi nhìn thấy rõ ba dòng nước đan bện vào nhau dữ dội và quay tít. Tài công cho tàu ngừng lại vài phút, tàu đậu gần dòng xoáy tròn ốc nên lắc lư qua lại, chao đảo, chập chùng, đánh lượn vài vòng rồi tài công lái tàu quay vào bờ. Đứng trên tàu ngó mông lung ra xa, tôi còn thấy rặng núi Nga Mi có hình Phật nằm trông ngoạn mục y như hình vẽ ở tấm vé tàu.

Pho tượng Phật Di Lạc được tạc từ một sườn núi đá sừng sững, cao 71 thước, rộng 24 thước, đục đẽo sâu hẳn vào trong lòng núi đã được ủy ban UNESCO thừa nhận là một di tích thế giới được bảo tồn vào năm 1996. Ngài không giống như những tượng đức Di Lạc khác thường thấy, có bụng phệ, miệng cười tươi. Ngài ngồi trên vách đá trong tư thế ngồi trên ghế cao, hai bàn chân chạm đất, hai tay để lên đùi, gương mặt ngài từ bi, vô ngại ngó ra khơi, miệng ngài thoáng một nụ cười hiền hoà cứu độ chúng sanh thoát hiểm nạn bởi dòng nước xoáy, hai bên vách núi, có khắc thêm hai tượng chư Thiên nhỏ hơn, khắc sâu hẳn vào bên trong. Đứng dưới chân tượng Phật, con người chỉ nhỏ như con sâu, cái kiến. Bên phải của pho tượng có cầu thang bằng gỗ, quanh co 9 khúc. Ngoài ra còn có một hệ thống thoát nước để tránh bớt rêu rêu đọng lại làm hư mục. Từ khi có đức Phật khắc sâu vào vách núi, có câu ngạn ngữ như vậy:

“Phật là núi và núi cũng là Phật”

Câu này dường như tàng chứa đựng giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm:

“Một là tất cả, tất cả cũng là một”

Rời khỏi tàu, chúng tôi đi lên núi viếng chùa Long Vân bái Phật, chùa chiếm một diện tích khá rộng, bên ngoài vườn hoa, phong tên nước, có những gian nhỏ không cửa, không vách bày biện, sơn vẽ vài dấu hiệu của những tôn giáo như Lão, Khổng gồm có bát quái âm dương, phong thủy, chiêm tinh, sao .... Vào sâu bên trong, có nhiều điện thờ Phật, Bồ Tát, thập bát La Hán. Chính giữa những điện thờ này, có một cái sân vuông, lát gạch bát tràng đã mòn lẩn, bước qua phía trong cùng, chúng tôi lại sững sốt khi thấy cả một câu chuyện sống động về lịch sử pho tượng Di Lạc qua những hình tượng nắn, nung bằng đất sét. Theo sử sách, Lạc sơn xưa kia là vùng Gia Châu. Nơi đây sơn thanh thủy tú, có 3 giòng sông hợp lại làm biết bao tàu bè bị đắm chìm khi chạy ngang, biết bao nhiêu người đã mất mạng nơi này, sóng gợn chân núi, trời mây hùng vĩ. Vì lòng từ bi muốn cứu độ chúng sinh, Thầy Hải Thông, một vị Sa Môn đã phát nguyện tạo pho tượng này để cứu vớt chúng sinh. Ngài đã bắt đầu công trình này từ năm 713, dưới thời nhà Đường, ngài đi quyên góp để trang trải chi phí cho nhân công và các nhà điêu khắc, ngài thu được khá nhiều tiền cho công việc thiện này. Khi đó, ông quan trấn giữ vùng này thấy thế nên khởi lòng tham tiền, đòi thu thuế. Thầy Hải Thông đến gặp quan, liền móc mắt ngài ra đưa cho quan và nói: "Nếu ông muốn lấy tiền thuế thì hãy lấy tròng con mắt của ta trước đã". Đó chính là một điển son lịch sử nên nơi đây có tượng ngài để tròng con mắt trong



chiếc đĩa để trên bàn tay đưa cho tham quan. Ông tham quan thấy vậy sợ quá nên để yên cho Ngài hô hào tạc tượng Phật mới có ngày nay. Sau khi sư Hải Thông viên tịch, các thế hệ khác tiếp nối công trình và hoàn thành vào năm 803, sống 90 năm để hoàn tất công việc tạc tượng, thật là một việc hy hữu, vô tiền khoáng hậu của người xưa, tôi thành kính đánh lễ các vị, xin tán dương và tùy hỉ công đức, các ngài có một cuộc sống đáng giá và có ý nghĩa. Tượng nói lên được những tâm hồn mộc mạc, chất phát, giản dị của người xưa. Tuy không đẹp sắc xảo nhưng quý ở nơi cao lớn, đồ sộ giữa núi non hiểm trở, sông ngòi nguy nan. Phải có một đức tin dũng mãnh, sức lực kiên trì, khả năng vượt chúng, tâm phát nguyện rộng lớn, mới dám nghĩ đến việc tạo một tác phẩm vĩ đại như vậy vào một thời đại thô sơ, hàng ngàn năm về trước. Người xưa quả đáng phục, biết đâu ngài là Bồ Tát Di Lạc hoá thân?

Chiều xuống, chúng tôi đến chân núi Nga Mi thăm chùa Bảo Quốc, còn được gọi là đền Bảo Ngộ. Xây dựng giữa thế kỷ 15 và 16, dưới thời vua Vạn Lịch triều Minh. Chùa này có tượng Di Đà thờ phía sau đền rất đẹp.

Lên điện chính, có tượng Ngài Phổ Hiền đẹp dịu dàng qua lớp thếp vàng cũ kỹ. Chùa có nhiều điện bao xung quanh một khoảnh sân rộng lát gạch Bát Tràng đã ngả màu nâu đồng, trũng ở giữa vì nhiều gót chân dẫm lên, trồng nhiều cây kiểng tia thành những con thú trong chậu sành chạm trổ. Chúng tôi nghe các Thầy tụng kinh và tán với những phật cụ giống như các Thầy Việt Nam nên xúm nhau lại điện ấy xem. Trong điện có tượng đức Di Đà, Quan Âm, Thế Chí nhỏ nhỏ so với những điện khác, để sát tường phía trong ... Chúng tôi bị xua đi quá cỡ, ngay cả các Thầy cũng thế, chẳng ai hiểu vì sao, tôi chợt thấy cổ áo quan nằm ngay giữa điện mới chợt hiểu mà xá xá xin lỗi tang chủ rồi lui ra ngoài. Chùa này có gian hàng bán các tượng Phật đẹp nhất so với những chùa tôi viếng tại đây. Tiếc thay, họ đóng cửa đúng giờ nên tôi không mua được gì cả, phong cảnh ngoài chùa gắn vào buổi hoàng hôn thật thơ mộng với khe suối chảy róc rách ngang qua những viên cuội trắng, hai bên bờ suối, đủ loại cây lớn nhỏ mọc dài theo như Dương Xi, Tre, Trúc, hoa Trang xanh tím, đậm thêm những bãi cỏ xanh biếc .... Nên từ đền Bảo Ngộ đến chùa Vạn Niên một trong những ngôi chùa chính của Nga Mi Sơn, có con đường dài 15 cây số hay leo dốc núi thẳng đứng. Chúng tôi phải chọn một trong hai ...cuối cùng, phải leo núi cho kịp giờ về ăn tối. Trong đền có điện thờ Phật, Bồ Tát và chư vị La Hán. Đền này, kiến trúc không khác gì ngôi chùa. Gọi là đền vì mái ngói thì màu đen (có lẽ đã quá cũ nên ngả màu đen chẳng ?) trong lúc hầu hết những ngôi chùa ở Trung Quốc có mái ngói màu vàng.

Sáng hôm sau, chúng tôi sẽ phải đi thật sớm để lên đỉnh núi Nga Mi xem mặt trời mọc. Tiếc thay, hôm ấy trời mưa như trút nước, mùa này mặt trời lại mọc rất sớm nhưng phương tiện để lên đỉnh núi không có. Chúng tôi phải chờ đến giờ hệ thống giầy cáp đưa lên đỉnh núi bằng xe thung hoạt động. Nhiệt độ ở đây chuyển lạnh đột ngột vì ở độ cao hơn 3,000 mét. Ra khỏi trạm xe, chúng tôi 'mò mẫm' đi từng bước chậm vì mây bay lơ lửng lưng chừng sát núi, sương mù mờ tỏa, không thấy rõ phong cảnh trước mặt, đường đi trơn ướt dễ vấp ngã, xa xa gió lạnh đung đưa những ngọn bách tùng, lò mờ trong sương mái chùa, đỉnh núi khi ẩn khi hiện. Nơi đây cho tôi có cảm giác như đang ở cảnh bồng lai, tiên giới qua những bức tranh vẽ lại.

Chúng tôi leo lên giữa chừng thì dừng lại viếng một điện thờ nhiều hình tượng Ngài Phổ Hiền. Sau đó leo đến ngọn Kim Đỉnh, tuy trời dày sương mù như thế mà trong chùa đã tấp nập tín đồ, Phật tử đến chiêm bái. Ngộ nghĩnh làm sao khi ở giữa đường “đi lên”, có một khoảng đất trống khá to, chính giữa có đắp lên một trái tim hồng lớn, xung quanh tim có một thanh sắc uốn éo chạy dài theo, trên thanh sắc ấy, có vô số hai ống khoá, khoá chặt vào nhau trông thật lạ. Cả đoàn, không ai hiểu tại sao cả, tôi phải giải thích là những cặp tình nhân đã đến đây thề non, hẹn biển rồi “khóa” cuộc đời nhau vào, tôi biết được điển tích này là nhờ đã đi lần trước ở Cửu Hoa Sơn. Còn chìa khoá để mở ư? Họ đã vút xuống núi rồi còn gì? Tôi không có ý kiến ... hay là ... hết ý kiến về việc này rồi vì thấy ủng tiền mua ống khoá .... Chùa không lớn lắm, từ ngoài bước vào đã thấy ngay tượng đức Phổ Hiền cười voi trắng trong lồng kính, phướn lộng treo khắp nơi rủ xuống mặt đất. Đó là ngôi chùa duy nhất trên đây. Bên ngoài chánh điện, có gác chuông thật lớn, trên chuông có khắc ảnh ngài. Một lúc sau, trời quang, mây tạnh dần dần thì chúng tôi cũng sửa soạn xuống núi.

Núi Nga Mi nằm cách thị trấn 7 cây số, là một trong tứ đại Phật sơn (Cửu Hoa, Phổ Đà, Ngũ Đài, Nga Mi), dài hơn 200 cây số, đỉnh cao nhất đo được 3,099 thước, nằm ở phía Tây vực Trung Quốc. Trong truyện kiếm hiệp của Kim Dung thì đây là xứ sở của Tây độc Âu Dương Phong. Vào đầu công nguyên dưới thời nhà Hán, đã có nhiều ngôi Phật tự được xây cất trên các đỉnh núi. Kế đến các thời nhà Tùy, Minh, và Thanh, thời Phật giáo cực thịnh, Nga Mi Sơn có hơn 150 thiền viện và chùa chiền.

Đức Phổ Hiền Bồ Tát đã thị hiện nơi đây nên núi này trở thành Đại danh sơn và hầu hết các chùa đều thờ Ngài. Tên Nga Mi là dựa theo Thủy Kinh chú, 2 dãy núi đối nhau như mày ngài. Khởi thủy, Nga Mi là lãnh địa của Đạo giáo, đến khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc thì Đạo giáo và Phật giáo đều

cùng tồn tại nơi đây hài hoà, tĩnh lặng, nơi tu luyện của Đức Phổ Hiền, Ngài còn được gọi là Biến Cái Bồ Tát (đọc là Samantabhadra theo chữ Phạn, âm Hán là Tam Mạn Đa Loạt Đà La). Ngài cùng Ngài Văn Thù đứng 2 bên tả hữu hầu cận Đức Phật Thích Ca. Ngài ngồi trên voi trắng 6 ngà, tay trái chống bên hông, tay phải cầm kiếm báu, được nhắc đến nhiều nhất trong kinh Hoa Nghiêm. Nếu đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát tiêu biểu cho trí tuệ vượt bậc thì ngài tượng trưng cho Đức Hạnh, là hiện thân của Lý, Định, Hành. Do công đức tu hành viên mãn, đạo hạnh vi diệu, thần trí cao vời, Ngài được tôn xưng là Phổ Hiền Bồ Tát với 10 hạnh nguyện được Phật tử phát nguyện khi đọc tụng thường xuyên trong các thời khoá tụng niệm:

- Thứ nhất lễ kính chư Phật
- Thứ hai là xưng tán Như Lai
- Thứ ba là quảng tu cúng dường
- Thứ tư là sám hối nghiệp chướng
- Thứ năm là tùy hỷ công đức
- Thứ sáu là thỉnh chuyển pháp luân
- Thứ bảy là thỉnh Phật trụ thế
- Thứ tám là thường tùy Phật học
- Thứ chín là tùy thuận chúng sinh
- Thứ mười là phổ giai hồi hướng

Nếu biết học và áp dụng dụng vào đời sống hằng ngày mười hạnh nguyện này cũng đủ cho ta an lạc, giải thoát phiền trần, nhiễm ô từng ngày rồi.

Trời quang, mây tạnh, chúng tôi sửa soạn đi ăn trưa tại một ngôi chùa dưới chân núi. Cũng như phần lớn các chùa ở Trung Quốc, chùa có điện thờ đức Di Lạc ở ngoài cùng, rồi kế đến là điện thờ đức Thích ca, Văn Thù và Phổ Hiền hai bên, có thêm các điện khác, thờ riêng một mình đức Phổ Hiền với nhiều hình tượng khác nhau. Dẫn đến phòng ăn bằng một hành lang dài, uốn khúc dọc theo các điện thờ. Phòng ăn gần nhà bếp chùa ... và ... gần ...cả

phòng vệ sinh nên mùi hương đặc biệt từ con người toả ra ngào ngạt để chúng tôi vừa dùng cơm, vừa thưởng thức. Trong nhà bếp, tôi thấy nền đất thật ướt và bẩn, thế mà rau đậu để la liệt, trước cửa còn có nồi canh nấu sẵn để cho những Phật tử công quả trong chùa dùng. Dù sao đi nữa, trời lạnh, bụng đói cồn cào sau một buổi sáng leo núi, quán thân bất tịnh, thọ thì khổ cho nên chúng tôi mặc kệ ngoại cảnh, ăn ngon lành. Thú thật là rau cải ở Tàu ngon hơn ở Uúc nhiều, nhiều lắm vì ... họ ... trồng và tưới bằng ... phân chuồng. Các chùa trên núi ở Trung Quốc đều có hệ thống thoát nước từ nhà vệ sinh đến những ao hồ, rồi thì họ múc nước nơi ấy vào những thùng gỗ, thùng thiếc và gánh ra vườn tưới bằng gáo. Đó cũng là một hình thức ...tái tạo....luân hồi .....nho nhỏ đầy thôi.

Xong cơm trưa, chúng tôi đi đến một ngọn núi khác, cũng phải dùng xe cáp để lên viếng chùa Vạn Niên, ngôi chùa quan trọng nhất của vùng núi Nga Mi. Xe cáp lướt nhẹ trên ngọn những cây Bách, Tùng mọc dọc theo triền núi, trong rừng rậm hoang dã, lác đác vài đám nương rẫy của dân sơn cước.

Chùa được xây cất từ cuối thế kỷ thứ 3 lấy tên là Phổ Hiền, sau đổi lại là Vạn Niên ở đời nhà Minh, nét kiến trúc phản ánh lịch sử của Nga Mi Sơn qua những nét độc đáo. Không có ảnh hưởng kiến trúc Phật giáo, Lạt Ma giáo, chỉ thuần Đạo giáo của miền Tây Vực, có nghĩa là đã lai căn kiến trúc, văn hoá Tây Á. Đỉnh hình tròn sơn vàng như nửa trái bóng nhưng bốn vách tường vuông vức như cái bánh "chung" sơn trắng chứng thực nguyên lý "Trời tròn, đất vuông". Chính giữa chánh điện chính của Vạn Niên tự đặt tượng đức Phổ Hiền cỡi voi bằng đồng, cao 7.5 m, nặng 62 tấn để thờ. Nét điêu khắc tượng Phổ Hiền này khác hẳn tượng Ngài ở chùa Bảo Quốc vì nét tươi sáng và ném về nghệ thuật Aán Độ. Nga Mi Sơn là nơi sản sinh ra môn võ thuật trứ danh của phái Nga Mi do sự kết hợp Phật giáo và Đạo giáo. Hấp thụ phương pháp "động công" của Đạo giáo và tinh túy phép tu thiền "tĩnh lực" của Phật giáo tạo nên phương pháp luyện võ vừa động vừa tĩnh. Đi đến đây, tôi lại nhớ đến Quách Tường trong Thần Điều Đại Hiệp và Cô Gái Đồ Long của Kim Dung. Ngôi nghỉ mát bên ngoài, tôi thấy rất nhiều người phu hay những vị Bồ Tát hoá thân dùng chân ở những bậc thềm nghỉ mệt, họ đã, đang và sẽ vác đá từ chân núi lên chùa bằng đường dốc núi 15 cây số từ đền Bảo Ngộ đến đây làm tôi chợt nhớ đến những vị ở Cửu Hoa Sơn, nhưng họ gánh đá chứ không công đá sau lưng như những vị này. Các Phật tử thấy thế thương tâm, đã cúng dường tịnh tài cho họ. Dù sao, nhờ có họ, chúng tôi mới có chùa để đến lễ lạy. Nga Mi sơn là sự hòa hợp của núi non hiểm trở, ánh sáng mặt trời, sương mù buổi ban mai, mây bay gió thoảng, rừng thông vi vút, cửa tùng đôi cánh gài, cảnh thần tiên hạ giới và cửa hào quang chur

Phật, Bồ Tát. Ai có tâm niệm thoát trần đã 1 lần đến Nga Mi Sơn, sẽ muốn quay trở lại. Riêng tôi, nếu có đủ duyên ở được luôn để thanh tịnh tu tập thì càng tốt, chắc tôi cũng chẳng muốn xuống núi về chốn bụi trần nữa đâu. Nga Mi còn là một khu rừng thiên nhiên tươi mát vì có nhiều mưa với hơn 3,000 loại thảo mộc và 2,000 động vật đang sinh sống. Đêm hôm ấy, trời mưa tầm tã, chúng tôi phải đội mưa đi ăn tối rồi về phòng ngủ một giấc ngon lành vì khí hậu se se lạnh. Tuy nuối tiếc cảnh thần tiên của núi Nga Mi, sáng hôm sau, chúng tôi cũng phải đi Thượng Hải rồi đến Hàng Châu vì không có máy bay thẳng.

Tại Hàng Châu, xui xẻo làm sao hôm ấy, trời mưa như trút nước, đường xá lầy lội, chúng tôi phải đi ăn trưa qua loa tại một nhà hàng nằm ngay cạnh chùa Linh Ẩn là điểm đầu tiên chúng tôi đi viếng. Có truyền thuyết đây là nơi Tể điền tăng hay Tể Công Phật Sống đã cư ngụ trong núi Lâm Động hay Thanh Quang Động, chiếm một khu rộng lớn bao la với nhiều công. Chùa Linh Ẩn trước đây có tên là Linh Ẩn Phi Lai Phùng do một vị tăng Aán Độ tên là Huệ Lý đến đây thành lập, được xây cất từ đời Đông Tấn, Hàm Hoà nguyên niên năm 326 sau công nguyên, đến nay đã trên 1,600 năm, có 3 tầng, được liệt vào những ngôi tự lớn, danh tiếng nhất Trung Quốc. Thời toàn thịnh đời Ngũ Đại (907-960) chùa có đến 9 lầu, 18 gác, 72 điện, 1,300 tăng phòng và Phật học viện cho 3,000 tăng chúng. Đời Nam Tống, chùa được kể như một trong năm thiền tôn nổi tiếng tại Giang Nam. Đời nhà Thanh, vua Khang Hy đã ban cho danh hiệu là Văn Lâm Thiên Tự nhân chuyến tuần du phương Nam. Toàn thể khuôn viên chùa rộng 108 mẫu, từ ngoài vào trong phải leo từng bậc thang dần dần cao. Ở chính giữa có Thiên Vương điện có bốn vị thiên vương Phong Điều Võ Thuận, Đại Hùng Bảo điện và Dược Sư điện. Bên phải từ cửa vào có Như Ý trai, Liên Đăng các, Đại Bi các, Niệm Phật đường, La Hán bi, Phương trượng thất. Bên trái có Tây khách sảnh, Văn Lâm tàng thất, La Hán Bi và Tử trúc lâm. Ngôi Đại Hùng Bảo điện cao chót vót đề bốn chữ “Diệu Trang Nghiêm Thành”, đáng kể nhất là pho tượng đức Phật Thích Ca Mâu Ni chính giữa điện cao đến 33.6m từ dưới lên trên kể cả hai toà sen, bằng gỗ quý, tượng được ghép lại bởi 24 khối, sơn son thếp vàng đẹp lộng lẫy, tướng hảo quang minh, tượng đã được tạo ra từ trên 800 năm, các vị Bồ Tát xung quanh cao đến 19.6m và 24m, dường như cả ba tượng này cần đến 6kg vàng để thếp. Cột kèo và khung cũng đều làm bằng gỗ quý, các bàn thờ chạm trổ công phu, toàn thể kiến trúc đều công phu, kiên cố phải cao đến 50m. Chùa xưa, tượng cổ, hương trầm toả ngát xông khắp điện, cảnh trí mờ mờ qua làn khói trắng tạo nên một đạo tràng trang nghiêm, linh cảm được hồn người Phật tử, tâm hồn tôi thật yên tĩnh, cảm khái ra bài thơ:

“Bảo địa trang nghiêm, sắc hương bất dị,

Phật môn quảng đại xuất nhập tùy duyên.

Nhập thử môn vô tham sân si mạn

Đăng thị địa, hữu hùng lực từ bi

Phước tuệ viên tu chân Phật tử

Trí bi song vận đại từ tôn.

Bao cảnh đời ô trược đã nằm sau lưng, tôi thật sự an lạc tự tại trước cảnh già lam này tuy xung quanh vẫn ồn ào náo nhiệt.

Tượng đức Phật Di Lạc tạc rất công phu, các điện thờ đều chạm rồng, phượng sơn son thếp vàng chói sáng. Dược Sư điện ở phía sau, thờ đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ở giữa, hai bên có hai vị Bồ Tát Nhật Quang Biến Chiếu và Nguyệt Quang Biến Chiếu là hai vị thượng thủ ở cõi Đông Phương cực lạc như đã đề cập đến trong kinh Dược Sư. Phía trước điện có một nơi để cầu nguyện gọi là Diên Thọ Đạo Tràng. Điện thờ 500 vị La Hán cũng không kém phần đặc biệt, bằng đồng, to bằng người thật, cao đến 1.70m nặng 1 tấn, nét điêu khắc hết sức tinh xảo, sống động. Các vị không có ốm yếu hom hem như những tượng La Hán khác, các ngài đứng ngồi, sinh hoạt với nhau, mỗi vị một dáng, một điệu khác nhau, không ai giống ai cả nhưng thật tự nhiên, đặt trên bục cao xây bằng xi măng cách mặt đất hơn 1 thước, có hàng rào ngăn. Phải chăng một trong những vị này là hoá thân ngài Tế Công? Nơi đây cấm tuyệt chụp/quay hình. Ngoài ra, chùa còn giữ được nhiều đồ thờ quý giá, kinh sách, tháp tự bằng đá lâu đời. Sau chùa, cây Phong mộc rất nhiều như cánh rừng nhỏ, qua khỏi rừng Phong là núi Phi Lai, có nhiều hang động khắc vào khe đá hoặc tảng đá, dọc theo một giòng suối tỏa hơi nước một bên vách núi Phi Lai có rất nhiều hang động và khoảng 338 tượng Phật.

Rời chùa Linh Ân, chúng tôi đi thăm cửa hiệu sản xuất trà Long Tỉnh, một loại trà đặc biệt hái toàn là lá non vào mùa xuân và quả lưu niệm. Đó là một ngôi biệt thự nằm dưới chân ngọn đồi trồng đầy trà xanh muốt. Xung quanh cũng có nhiều vườn trà dọc theo con lộ chính, phong cảnh thật hữu tình khi ánh nắng chợt tắt dần dần, hoàng hôn thong thả buông nhẹ êm đềm, những

cụm mây trôi hờ hững quyện vào những cánh vạc lung đòi tạo nên khung cảnh huyền ảo nơi dương trần .....Trà được xấy khô bằng tay, trong một chiếc chảo lớn, nóng thật công phu. Chúng tôi được mời uống trà sau màn biểu diễn pha trà, sau đó, ai thích thì mua ... giá cả khoảng 80 đô Mỹ một kí lô, cũng đáng giá thôi, vì trà Long Tĩnh có vị ngọt, thơm đặc biệt, uống vào rất ngon, ngọt cổ họng, khi đã thấm thì thần xiêu, phách tán, hồn bay lên tận cung trời “Tha Hoá Tự Tại”....Còn hàng hoá thì miễn bàn đến, vì quần áo gấm lụa đẹp lộng lẫy, màu sắc sắc sỡ. Thấy đẹp thật đấy, nhưng có mua về cũng chẳng biết làm gì bởi vì mặc vào không giống ai cả ... chỉ trừ có lên sân khấu hay đi dạ hội ... Các thứ vòng ngọc cũng thế, thật, giả lẫn lộn, giá cả lại đắt quá mức vì nói thách.

Hàng Châu thật đẹp nên người Trung Hoa đã phát biểu:

"Trên trời có thiên đàng, trần gian có Tô Hàng"

Còn Marco Polo, nhà hàng hải Ý Đại Lợi, khi ghé qua vào thế kỷ thứ 13

đã ca ngợi: "Thành phố này giàu, đẹp như Venise của Ý."

Hàng Châu là thành phố tinh ly của Triết Giang, nằm ở phía Bắc sông Tiền Đường, nơi nàng Kiều đã trầm mình. Tây Hồ ở đây có diện tích 6 cây số vuông gấp đôi hồ Côn Minh ở Bắc Kinh. Hồ Tây không sâu, chừng 3 thước, bên dưới đóng đầy bùn rất nguy hiểm. Hai nhà thơ lớn là Bạch Cư Dị và Tô Đông Pha đã làm quan tại đây đều góp phần chăm sóc cảnh đẹp của hồ. Những hàng Dương, hàng Liễu rủ xuống mặt hồ, soi mình hoà nhập vào núi xanh in bóng trên những làn nước bạc lóng lánh dưới ánh mặt trời, đượm thêm những nét quyến rũ khi hoà nhập vào những bãi cỏ xanh, hoa đỏ. Với tôi, tất cả đã tạo thành một bức tranh thủy mặc tuyệt vời. Thoáng như đâu đây còn ẩn hiện bóng dáng của đôi nhân tình Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài.

Thăm vọi Hàng Châu xong, chúng tôi đi Ninh Ba để đón chuyến tàu ra Phổ Đà Sơn..... Sau 5 năm trở lại, tôi hết hồn, thành phố Ninh Ba thay đổi hẳn vì quá sầm uất. Khác với lần trước, lần này Tôi ra Phổ Đà Sơn bằng chiếc tàu khá tối tân, tuy hơi nhỏ, nhưng chạy như bay, lướt trên sóng, vượt biển hơn 2 giờ để đến vùng núi Phổ Đà. Đến nơi, Chúng tôi đi viếng chùa Phổ Trị liên tức khắc. Phổ Đà Sơn thuộc quần đảo Chu Sơn tỉnh Triết Giang tên Lạc Gia Sơn (theo tiếng Phạn có nghĩa là hoa sen trắng xinh đẹp – Tiêu Bạch Hoa) hay gọi đủ là Phổ Đà Lạc Gia, diện tích hơn 12 km vuông, là một trong Tứ Đại Phật Sơn, cũng là nơi có cảnh đẹp vùng biển Đông. Năm 1605 chùa Phổ

Đà được sắc chỉ ban cho mấy chữ “ Hộ Quốc Vĩnh thọ Phổ Đà thiên tự “, từ đó núi này được đổi lại là Phổ Đà Sơn. Nhân duyên Phổ Đà Sơn được thành lập rồi trở thành thánh địa của đức Quán Thế Âm do vào năm Đại Trung thứ 12 (858), lại có thuyết vào đời Hậu Lương Trinh Minh thứ hai (916), có một tăng nhân người Nhật tên là Huệ Ngạc nhân chuyến viếng thăm Ngũ Đài Sơn, đã rước tượng Quan Âm về Nhật thờ phượng. Khi trên đường về từ Ninh Ba đi ngang qua vùng Phổ Đà Sơn gặp dông tố, sóng gió bão bùng chợt nổi lên, tàu phải tấp vào một động ở núi này để lánh nạn. Sau đó, trời yên, gió lặng, tàu lại sửa soạn ra khơi, ngặt thay, mỗi lần tàu bắt đầu khởi hành là sóng to, gió lớn lại nổi lên ùng ùng. Linh cảm được điềm lành, vị tăng này quyết định ở lại đảo này với tượng đức Quán Âm để tàu ra khơi, quả nhiên, tàu lướt sóng êm. Ban đầu, ngài cất một am tranh để ở và hoá độ dân làng sống tại đây, dần dần, họ cất cho ngài một ngôi chùa khang trang hơn. Sau đó vì tượng đức Quán Âm quá linh thiêng nên chùa càng lúc càng thu hút nhiều tín đồ và phát triển lớn mạnh. Tượng đức Quán Âm này được mệnh danh là “ Quan Âm bất khả khứ” (Quan Âm không chịu đi). Buồn thay!!! Nghe nói tượng này đã bị hủy diệt trong thời gian Cách Mạng Văn Hoá. Ở đây, có quá nhiều chùa nên chúng tôi thấy đại khái cũng như những chùa khác, chỉ đặc biệt thờ đức Quán Thế Âm là chính, các tượng Quan Âm ở mỗi chùa đều có sự tích khác nhau qua ảnh tượng như cầm nhánh liễu, cầm bình tịnh thủy rưới nước cam lồ, hay đứng trên một con cá lớn, hay rồng giữa biển khơi để hoá độ chúng sinh. Điềm hay hay đối với tôi là đã thấy tượng Nam Hải Quan Âm trên đỉnh núi đã vừa hoàn thành bởi người Nhật. Phải nói đây là một công trình vĩ đại đối với Phật Pháp vì khi xưa, khi tôi đến, nơi đây còn hoang dã lắm. Đến nay thì thật nguy nga lộng lẫy với công tam quan cao vút, nhiều bậc thang dẫn đến tượng đức Quan Âm thân kim sắc, tướng hảo sáng chói nhìn ra biển khơi. Chùa tháp nơi đây còn thơm mùi sơn, mùi gỗ, mùi gạch ngói mới. Tất cả đều mới lạ, tân kỳ theo nghệ thuật Nhật, từ những bức tranh, tượng đến những phù điêu trang nghiêm cõi Phật làm tôi choá mắt, ngỡ ngàng như đang đi vào thế giới Tịnh Độ, hay Hoa Nghiêm có Thiện Tài Đồng Tử sau 53 lần đi hỏi đạo, có 1 lần đến Nam Hải Phổ Đà Sơn này để gặp đức Quán Âm Bồ Tát thừa thỉnh. Tên chữ Phạn của Ngài là Avalokitesvera. Ngài là một vị cổ Phật, tu theo pháp môn "Nhĩ Căn Viên Thông", lấy việc cứu độ chúng sanh làm bản nguyện khi quán tưởng những âm thanh thống khổ ở thế gian nên được mệnh danh là Quán Thế Âm. Ngài là biểu tượng của từ (ban vui) bi (cứu khổ), ngài cùng với đức Đại Thế Chí Bồ Tát ở hai bên tả hữu của Đức Phật A Di Đà, gọi chung là Tam Thánh ở Tây Phương Cực Lạc. Theo Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phổ Môn, Ngài ứng hiện ra 32 tướng để giáo hoá, cứu độ tất cả chúng sinh. Về hình tượng, do tính biến hóa của Ngài, nên có rất nhiều từ ông Tiêu Diện



thật dữ tợn, thè lưỡi nhát ma quỷ đến hình nữ mặc áo trắng nhẹ nhàng, thanh thoát, đẹp tuyệt trần, một tay cầm hồ lô, tay kia cầm nhánh dương liễu. Ngoài ra, hóa tướng của Ngài còn tìm thấy trong chú Đại Bi tâm đà la ni với Ngài Thiên Thủ Thiên nhãn (một ngàn mắt, một ngàn tay, 11 mặt). Hay một đức Chuẩn Đề tám tay cầm nhiều vật như ý ... Có một chuyện làm tôi phải phì cười qua lời diễn đạt thật thà, ngô nghê của dân gian, khi cho rằng nên thỉnh tượng Ngài đang đứng hoá độ chúng sinh thì làm ăn khá hơn là Ngài đang ngồi nghỉ ngơi vì đó là tư thế đang làm việc. Ở lại Phổ Đà Sơn 1 đêm, ăn sáng xong, chúng tôi đi vài bước là đến 2 chùa Pháp Vũ và Phổ Tế. Nơi đây rất yên tĩnh, không có đèn giao thông, nhiều xe cộ ồn ào, ồ ạt, chỉ có tiếng chuông, mõ, tụng niệm (phần lớn là máy) vọng ra từ trong chùa tạo nên một đạo tràng thanh tịnh. Cao điểm nhất đã có đến 4 ngàn tầng ni, hàng trăm chùa chiền trên hòn đảo nhỏ bé này và phần lớn ai sống trên đảo này đều là tu sĩ hay cư sĩ. Cách mạng văn hóa đã làm tổn thất rất nhiều tầng ni và tự viện đến nỗi vào năm 1960, chỉ còn có 29 nhà sư kiên trì ở lại tu tập. Ngày nay, các kế hoạch trùng tu đang được tiến hành.... để thu hút khách thập phương. Chùa Phổ Trì, Pháp Vũ và Phổ Tế là những ngôi chùa quan trọng nhất Phổ Đà Sơn. Tuy nhiên, điểm đáng buồn là Phổ Đà Sơn đã ít nhiều bị du lịch hoá bởi những thú tiêu khiển ngoài đời như có những câu lạc bộ bơi lội, săn bắn, trượt nước .... Và lần trước tôi đến đây, tôi đã hoảng hốt khi thấy khắp nơi bán những loài thủy tộc bị bắt, còn sống nhả để làm thức ăn bồi bổ cho thân xác những du khách. Phổ Tế tự – Xây vào cuối đời Hậu Lương, dưới chân ngọn núi Linh Thứu còn gọi là Tiên tự, hậu thân của Bất Khẳng Khử am. Là ngôi chùa lớn nhất toàn đảo, rộng 3,6630 m vuông, diện tích xây cất khoảng 1,1400 m vuông. Qua nhiều đời mang nhiều tên khác nhau, cuối cùng, vào đời Thanh tặng biển “Phổ Tế Quán Linh”, từ đó gọi luôn là Phổ Tế. Gồm có Thiên Vương điện, Đại Viên Thông điện, Già Lam điện, Tổ Sư điện, Tàng kinh các, Đông Tây La Hán đường .... Điện chính Viên Thông thờ tượng Quan Âm cao 8.8 m, hai bên tường, mỗi bên có 16 hình tượng của “Quan Âm tam thập nhị ứng tùy hình”. Điện này do vua Khang Hy sắc xây, đông và Tây có điện Văn Thủ và Phổ Hiền. Trước chùa có ao phóng sinh gọi là Hải Án hoặc Liên Hoa Trì. Pháp Vũ tự – Còn gọi là Hậu Tự bên dưới ngọn Quang Hy, lớn thứ nhì sau Phổ Tế, rộng 33300 m vuông, diện tích xây cất khoảng 8,800 m vuông. Vào đời Minh Vạn Lịch năm thứ 8 (1580), ngài Đại Trí từ Tây Thục đến đây lễ Phật, thấy nơi đây u tĩnh, liền kết thảo am gọi là Hải Triều am. Cũng sau nhiều lần đổi tên, cuối cùng, đời nhà Thanh, vua Khang Hy ban tặng biển đề “Thiên Hoa Pháp Vũ” và “Pháp Vũ thiên tự”, từ đó gọi là Pháp Vũ. Nổi tiếng nhất là Cửu Long Quán Âm điện và Cửu Long Bích. Chùa ẩn trong rặng Tùng và Cổ Ngân

Hạnh. Trong tàng kinh lâu có Aán Quang Đại Sư Kỷ Niệm Đường, bên trong để ảnh ngài giữa hai câu liên:

“Mạc nhạ nhất xưng siêu thập địa,

Tu tri lục tự quát tam thừa”

(đừng ngờ một câu qua mười địa,

phải hay sáu chữ phủ tam thừa)

Chính tại phòng này, Liên Tông thập tam tổ Aán Quang đại sư đã tu trì, trước tác, dạy chúng gần 30 năm, cạnh bên là phòng ngủ của ngài vẫn được giữ nguyên với y áo, giường chiếu, hài vớ và những vật dụng thường nhật của ngài trước kia. Ngoài ra, trước chùa có cầu Hải Hội. Kỳ này, không có đủ thì giờ nên tôi không được ở lâu và viếng nhiều nơi kỷ lưỡng như kỳ trước.

Dùng qua loa buổi cơm trưa, chúng tôi rời Phở Đà Sơn để về Thượng Hải bằng chiếc tàu lớn hơn chiếc khi ra đây. Giã từ Phở Đà Sơn lần thứ 2, tôi cảm thấy bùi ngùi thế nào khi nhớ về những con đường rợp bóng mát, lũy tre xanh đường vào chùa Trúc Lâm, những lúc tâm hồn lắng đọng khi nghe tiếng hải triều dâng đập vào những ghềnh đá róc rách ....Phạm âm, hải triều âm, thảng bĩ thều gian âm ... Tôi đã hằng tâm niệm 3 câu ấy để trở về thế giới hồng trần, nhiều cạm bẫy, văn minh, náo nhiệt, ô nhiễm .. đó là Thượng Hải, một mảnh đất bị xâu xé bởi các nước Mỹ, Nhật, Pháp, Anh và Ý để chia nhau quyền lợi sau cuộc chiến tranh nha phiến vào cuối thế kỷ thứ 18, và vào thập niên 20, là nơi điển hình của thực dân đầy bất công, kỳ thị chủng tộc, một xã hội đen đầy rẫy tội ác ....Thượng Hải đã biệt lập với thế giới tự do bên ngoài suốt 40 năm sau khi đảng Cộng Sản lên nắm chính quyền tại Trung Quốc. Thượng Hải là thành phố đầu tiên đã mở cửa lại mới 20 năm gần đây để chào đón du khách. Tất cả những nhu cầu phục vụ du khách lập tức được hiện đại hoá thật nhanh chóng trên đất nước này như phương tiện giao thông là xa lộ. Những mậu dịch như là siêu thị, cửa hàng, ngân hàng, khách sạn quán rượu, hộp đêm, và tiệm buôn đầy rẫy hàng hóa thời trang AÂu Mỹ..... xuất hiện nhanh chóng. Nhưng người dân vẫn nghèo sơ nghèo xác, bên cạnh những khách sạn lộng lẫy cao chót vót là những căn nhà lụp xụp, tối tăm,những ngõ hẻm phơi đầy quần áo, những chiếc xe bán thực phẩm bên cạnh những đống rác cao nghều nghệu .... Phía hữu ngạn sông Hoàng Phố, khu vực thương mại Thượng Hải mới được phát triển vượt bực

gồm những tòa nhà cao chọc trời, đặc biệt nhất là tháp truyền hình Đông Phương (Oriental Pearl) cao 465 thước nhất Á Châu. Tháp gồm cây cột đường kính 9 thước và 11 quả cầu tròn. Đứng lên trên, có thang máy chứa được 50 người và có thể chạy 420 thước mỗi phút. Bên trong thiết kế theo kiến trúc Âu Tây, tân kỳ, đủ kiểu đèn sáng trưng. Tầng trệt của Tháp có những cửa hiệu bán đủ thứ đồ ngoại quốc như mỹ phẩm, thuốc lá, giày, ví tay .... Chính giữa có nhiều băng ghế xoay tròn cho khách nghỉ chân, trên tường trưng bày hình ảnh đặc biệt của mỗi quốc gia trên thế giới. Sau đó, chúng tôi dùng thang máy lên trên quả cầu, tôi bị hơi ù tai vì thang chạy quá nhanh đến thót ruột. Trên ấy, lại có những cửa hàng bán đồ kỷ niệm y như những nơi du lịch khác và hàng cà phê, nước ngọt, kem .... Xung quanh trái cầu bao bọc bởi những tấm kính dày, chúng tôi có thể xem thấy hết thành phố Thượng Hải, chỉ có thể thôi. Đây là lần thứ hai tôi đến Thượng Hải, và choáng váng trước những sự thay đổi thần kỳ sau gần 5 năm, sự thay đổi này đào thêm hồ sâu cách biệt giữa giàu và nghèo, sung sướng và đoạ đày, hạnh phúc và khổ đau, tôi không đến đây như một du khách, mà đến thành phố này qua cái nhìn của một người đi hành hương, một Phật tử nên tôi nhìn thấy cả hai khía cạnh đối đãi luôn luôn xảy ra trong cuộc đời, trong xã hội, dù là tự do tư bản, hay cộng sản độc tài, cuồng tín.

Ngày cuối của chuyến du lịch và hành hương Trung Quốc đi cùng với phái đoàn Mỹ, riêng mẹ tôi và tôi, còn đến 2 ngày nữa .... Sáng nay, chúng tôi còn những 3 nơi để thăm viếng. Thăm chùa Ngọc Phật, ngôi chùa lớn, nổi tiếng nhất Thượng Hải. Chùa nằm ở phía Tây thành phố, giữa chốn phồn hoa, đô hội, xe cộ qua lại tấp nập, dân cư ồn ào. Chùa được xây cất từ năm 1882. Đời Thanh Quang tự năm thứ 8 (1882), Huệ Căn Pháp Sư ở Phổ Đà Sơn sang Aán Độ lễ Phật tích, đi ngang qua Miến Điện được cư sĩ Trần Quân Phổ và Quốc vương xứ này giúp đỡ quyên được năm tôn tượng Phật bằng ngọc trắng. Khi chở về đến Thượng Hải lại thiếu phương tiện vận chuyển tất cả tượng ra núi Phổ Đà vì nặng quá không đi qua biển được. Theo lời đề nghị của một cư sĩ nên phải để lại hai pho tượng lớn, rồi tạm cất mao xá thờ, còn ba pho tượng nhỏ thì thỉnh ra thờ ở Phổ Đà sơn. Năm 1898, thời Quang Tự 24, Huệ Căn pháp sư được sự giúp đỡ, xây chùa Ngọc Phật rộng 33 mẫu với 72 gian. Ngài Huệ Căn viên tịch, pháp sư Bổn Chiếu kế nhiệm, khi ngài viên tịch, pháp sư Hoàng Pháp kế vị. Năm 1917, ngài Hoàng Pháp viên tịch, pháp sư Khả Thành được đề cử làm trụ trì. Vào năm 1918, chùa bị cháy, sau đó được xây dựng lại mới lấy tên là chùa Ngọc Phật. Từ đó đến nay, sau nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, chùa được trùng tu lại nhiều lần, trở nên lớn mạnh như ngày nay, lớn so với chùa ở thành phố mà thôi, chứ còn thua xa chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu. Chùa gồm có Di Lạc điện,

Đại Hùng Bảo điện, Ngọc Phật lầu, Ngoạ Phật đường, Quan Âm đường, Phương Trượng thất ...và 2 cái sân nhỏ. Điện thứ 1 ở trên lầu, Ngọc Phật lầu cất bằng gỗ, đen bóng, chánh điện không lớn, có hàng rào ngăn đường đi, trần chạm trổ công phu. Tượng Phật Thích Ca bằng ngọc trắng, khắc từ một khối cẩm thạch, có nạm kim cương và đá quý nằm sâu bên trong, ngôi nhập định, cao 1 thước 9 và rộng 1 thước 3. Ngôi điện thứ 2 tên Ngoạ Phật đường, nằm về hướng Tây bày tượng Đức Phật Thích Ca nằm trong tư thế nhập diệt bằng cẩm thạch trắng dài 96 phân và 18 vị La Hán. Ngày nay, chùa còn có nhà hàng, khách sạn và nhà dưỡng lão.

Rời chùa Ngọc Phật, chúng tôi ghé thăm nhà của Ông Tôn Dật Tiên và Bà Tống Khánh Linh. Ông Tôn Dật Tiên sinh năm 1866, ông là người lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ, cả hai người dân Trung Quốc lẩn Đài Loan đều kính phục Ông. Nhà ông xây theo lối biệt thự, kiến trúc Tây Phương, có lầu, sân trước trồng cây kiêng. Tôi không vào nhà trong xem mà chỉ vào cửa hàng thủ công nghệ, tại đây, có những bức tranh thêu tay tuyệt hảo đến độ nhìn sống động và chi li như tranh vẽ, giá cả ư ? Bán bằng đô la mỹ trên dưới một ngàn ..... Cuối cùng, cũng vẫn là "cưỡi ngựa xem hoa" tại khu vườn hoa Thượng Hải, khu vực này làm mọi người cảm thấy mình rơi vào một thế giới xa xưa từ nhiều thế kỷ trước, thời còn vua chúa vì cả khu phố vẫn còn bảo tồn nguyên vẹn nét kiến trúc cổ điển. Nhà cửa đều xây bằng gỗ, lên nước bóng loáng, có nhà sơn màu đỏ cam. Nằm trong khu thương mại sầm uất và ồn ào của những ngày thật xa xưa trong chuyện kiếm hiệp vì đường đi ngoằn ngoèo, uốn khúc đưa đến một hồ sen, sừng trước khi vào hẳn vườn. Từ những cửa tiệm lớn nhỏ, đến các siêu thị khang trang với đủ các mặt hàng, người ra vào tấp nập. Những quán ăn, những quán trà, cho đến các gánh hàng rong đều mang sắc thái đặc biệt hoài cổ. Vườn hoa lại khác hẳn, gọi là vườn hoa cho hoa mỹ nhưng lại rất ít hoa, cái đẹp ở đây là lối kiến trúc thật hài hòa giữa thiên nhiên và nhân tạo. Khu vườn này do một viên Quan nhà Minh cất cho Cha mình, cách nay 400 năm, gồm có 30 gian, chia ra 6 khu vực, ngăn nhau bởi một bức tường trắng. Sự hòa hợp về màu sắc, sự tương xứng và óc tưởng tượng của con người qua nét đặc thù tại mỗi nơi. Những chiếc cầu đá ở đây đều không nằm thẳng theo con đường đi vì người Hoa tin rằng ma quỷ chỉ đi thẳng. Tất cả khu này tượng trưng cho phố xưa của Thượng Hải. Mặc dù những khóm trúc, những giò nước, những hòn non bộ, những cây thông có thể được tái tạo hay sửa chữa sau này nhưng vẫn mang tính chất lịch sử và dân tộc.

Sau cơm trưa, đã đến lúc từ giã, mẹ tôi và tôi lại đánh lễ hoà thượng, các vị tăng ni và những Phật tử đến từ Mỹ, lòng hơi ngậm ngùi thoáng qua vì sự

hợp tan theo dòng đời. Chúng tôi quá mệt mỏi để ra phi trường nên đón taxi về khách sạn, khách sạn này của Uúc nên chúng tôi tìm được vài nét thân quen qua lối kiến trúc, thiết kế, bày biện bên trong. Chiều hôm ấy, chúng tôi đi dạo trên phố nhưng không thấy gì đặc biệt ngoài những cửa hiệu buôn bán đủ thứ. Tôi muốn ngày mai đi Tô Châu thăm chùa Hàn Sơn hay Phổ Minh pháp viện, bên Phong Kiều như tôi thường ao ước.

Hai ngày ở lại, chúng tôi phải tự túc tất cả, may thay, tôi làm quen được một thầy du học ở đây đã hứa giúp chúng tôi di chuyển. Chiều hôm ấy, thầy đề nghị đưa tôi ra ga xe lửa lấy vé đi Tô Châu, đi bằng xe bus công cộng cho rẻ, còn tôi thì thích phiêu lưu, lần đầu tiên tôi được di chuyển tự do trên đất Trung Hoavà đi một đoạn xa từ khách sạn. Tôi ngỡ nhìn thành phố Thượng Hải qua những cơ sở hành chánh và thương mại. Chúng tôi đi đúng vào giờ tan sở nên xe bus chật ních thiếu điều dẹp ruột, thế mà tài xế vẫn ngừng ở mỗi trạm để đón khách. Phải di chuyển nhiều nơi và đón nhiều tuyến xe bus mới đến được nhà ga. Nơi đây, người tấp nập và níu kéo hành khách đủ điều. Đặc biệt nhất là họ cầm những tấm giấy đăng quảng cáo cho mướn phòng ngủ với đủ giá cả ... Tôi mua ba vé xe lửa đi Tô Châu vào sáng ngày mai, nhìn quanh quất, tôi thấy ở đâu cũng người thôi là người đứng với một nước có dân số đông nhất thế giới và một thành phố buôn bán sầm uất. Thầy hỏi tôi có muốn đi đâu chơi, xem phong cảnh nữa không, tôi chóng mặt nên đề nghị thầy đưa tôi về khách sạn dùm, vì tôi cũng không yên tâm để mẹ tôi ở đó một mình. Thầy đề nghị cuộc bộ về cho khoẻ và đỡ tốn tiền vì không xa mấy, tôi nghe lời cho thầy vui, ai dè đi một đoạn thì trời đổ mưa, tôi kêu taxi về cho nhanh thì mới vỡ lẽ ra là đường về rất xa. Tôi lặng người đi vì thương Thầy, trên vai mang ba lô nặng trĩu mà vẫn chịu đựng, may mà tôi quảy dùm Thầy tay nải mà còn thấy nặng, thế mà thầy còn muốn đi bộ nữa chứ vì sợ tôi tốn tiền, có là bao nhiêu đâu ... so với tiền Uúc, thật là tôi cho Thầy, một vị tu sĩ chân chánh, tôi thật kính phục...

Cách ba con đường từ khách sạn tôi ở có một siêu thị và khu thương mại lớn. Siêu thị lớn đến độ đi mỗi cả chân và hàng hoá đầy tràn, không thiếu một món gì. Đi giữa thành phố Thượng Hải mà tôi có cảm giác như đang đi giữa một thành phố tân tiến nào với những nhà cao chọc trời, đường phố rộng thênh thang ....

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm để đón xe lửa đi Tô Châu, xe lửa từ ga Thượng Hải thì vắng, nhưng đông dần qua mỗi trạm. Vừa đến ga Tô Châu, đã có nhiều tài xế taxi đứng đón và dò hỏi hành khách đi về đâu, họ nhìn mặt rất hay, họ nhận ra ngay ai là du khách, ai là người địa phương. Thầy và

chúng tôi ngã giá cả với một anh tài xế trẻ, xe thuê nguyên ngày để chở đi những nơi nào chúng tôi muốn. Tôi yêu cầu cho tôi đi viếng chùa và những phong cảnh đặc biệt ở nơi này.

“Trần kiếp lịch thiên dư niên,

trùng phục cừu quan ,

hạnh hữu danh hiền lai tác chủ,

Tri nhân đề nhị thập bát tự,

Trường lưu thắng tích,

Khả tri giai cú bất tu đa”

(Câu đối chùa Hàn Sơn của Trần Phước Bảo, đời Thanh)

Chùa Hàn Sơn là ngôi tự viện nổi tiếng khắp Tô Châu, nằm ngay bên Phong Kiều. Chùa trên núi Thiên Thai ngoài cửa Xương Môn cách chợ Tô Châu 5 dặm, ngôi chùa đã được xây cất trên trăm năm. Chùa được xây dựng từ thời Nam Triều (đầu thế kỷ thứ VI) đã được đặt tên là Diệu Lợi. Về sau được gọi tên là Phong Kiều Tự vì ở gần cầu Phong Kiều. Đến đời nhà Đường, có hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc đến trụ trì, ngôi chùa trở nên nổi tiếng, tin chúng thập phương xa gần biết đến, khách hành hương xa gần đến chiêm bái và nghe pháp ngày một đông, người phát nguyện quy y cũng nhiều nên từ đó chùa được đổi tên là Hàn Sơn tự, lấy lên sư cụ trụ trì (đời Đường Trinh Quán Công Nguyên 627-649. Cảnh chùa vắng lặng, cũ kỹ, bờ tường sơn vôi vàng, loang lổ nhiều nơi. Vườn chùa êm mát , trồng nhiều cây cảnh, đường đi tráng xi măng. Chùa có nhiều điện thờ gần nhau, chùa không lớn lắm và còn xây cất thêm nhiều điện thờ khác. Chùa có Hàn Sơn chiêu bích, Tùng Giang cổ viện, cổ sát nhất giác, Ngụy Đường tháp, lầu Nguyệt Sắc, Trang Nghiêm pháp đường ...Điện đầu tiên thờ đức Di Lạc bên ngoài cùng, kế đến là tượng đức Bồn Sư, sau hết phía sau có hình hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc. Tợng to gần bằng người thật, thép vàng, tạc hai ngài trong tư thế đang đùa giỡn với nhau đứng trên bục gỗ sơn đỏ cam, điện thờ giản dị, đơn sơ treo những chiếc đèn lồng, khung cảnh thật mộc mạc dễ thương làm sao ấy. Đặc biệt nhất tại chùa là tháp thất bảo được xây vào đời nhà Tống – Tống Gia Hựu Công Nguyên 1056-1063, và được vua Tống Nhân Tông ban cho tên gọi là Phổ Minh thiền viện nhưng dân chúng vẫn quen gọi là Hàn Sơn tự đến ngày nay.

Chùa từ thời đó đến nay đã trải qua nhiều lần trùng tu nên kiến trúc ban đầu đã bị mai một. Gần đây 1996, chùa cho xây lại ngọn tháp năm tầng thay cho ngọn tháp bảy tầng, mỗi tầng thờ một vị Phật, lên càng cao, diện tích càng hẹp lại. Ra ngoài bao lơn, tôi đi giáp một vòng chánh điện rồi có thể vào bằng bất cứ cửa nào. Các tượng Phật trang nghiêm, cổ kính trong tư thế đoan toạ, nhập định. Chúng tôi phải đi thật nhẹ nhàng trên những chiếc thang gỗ thẳng đứng. Tháp này mát rượi so với thời tiết bên ngoài, êm đềm, yên tĩnh làm cho tôi có cảm giác lâng lâng nhẹ nhẹ, nhất là khi lên đến tầng chót. Vườn chùa có một hồ sen, có chiếc cầu bắt ngang và đi sâu vào trong là nơi trưng bày những bia đá đen khắc những câu kinh ngắn hay tạc hình các vị Bồ Tát, những cảnh sen, tôi không biết lịch sử về những tấm bia này, chỉ thấy quá đẹp và công phu, tuyệt hảo. So với những chùa khác ở Trung Quốc nói chung và Tô châu nói riêng thì chùa khá nhỏ, nhưng là ngôi chùa tôi ưng ý và thích nhất vì phong cảnh u tịch, tao nhã, giản dị, ít người qua lại thăm viếng, dường như chỉ có ba người chúng tôi thôi, đây mới chính là chốn a lan nhã gọi cho tôi nhớ lại nhớ lại những đêm trăng ở bên Phong Kiều qua bài thơ bất hủ “Phong kiều dạ bạc” của Trương Kế đã được khắc vào bia để ở trong chùa:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,

Giang Phong ngư hỏa đối sầu miên,

Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự,

Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.

Lồng trong câu chuyện tích qua giai thoại như sau:

“Trương Kế một đêm đậu thuyền ở bên Phong Kiều thấy cảnh đẹp đã xúc cảm ngâm:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,

Giang Phong ngư hỏa đối sầu miên.

Ngâm xong, Trương Kế không tìm được tứ nữa nên cứ trần trọc mãi không ngủ được. Cũng đêm hôm ấy, ở ngoài thành Cô Tô, sư cụ chùa Hàn Sơn cũng xúc cảm trăng đẹp mới ngâm rằng:

Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung

Bán tự ngân câu bán tự cung

Nhưng rồi sự cụ cũng hết tứ nên trần trọc suy nghĩ mãi, ngủ không được. Chú tiểu hầu bên sự cụ thấy vậy mới hỏi sao sự cụ không ngủ được đêm nay. Sự cụ kể lại nỗi khổ tâm của mình, bất giác, chú tiểu xin được nói tiếp để hoàn thành bài thơ:

Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn

Bán trầm thủy đê, bán phù không.

Sự cụ nghe xong khen hay, bảo chú tiểu lên chánh điện thắp hương và đánh chuông tạ ơn Phật. Cùng khi ấy, trong thuyền ở bến Phong Kiều, tiếng chuông chùa vọng đến, Trương Kế nghe xong liền khởi tứ kết thúc bài thơ:

Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự,

Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.

Hai ngài Hàn Sơn, Thập Đắc không lạ gì đời với Phật tử vì hai ngài là hoá thân của hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền và qua những câu chuyện, hay bài giảng từ các vị Thầy Cô. Hai ngài thị hiện ra ở đời để ngầm dạy dỗ hàng Phật Tử chớ có khinh khi, xem thường bất cứ một ai cả, nhất là những người nghèo khổ, thấp kém và thiếu trí tuệ hơn chúng ta, vì biết đâu đó là những vị Bồ Tát hoá thân trên đời để làm Phật Sự hoá độ chúng sinh. Trong kinh Pháp Hoa, có vị Bồ Tát Thường Bất Khinh cũng là tiền thân của đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni. Thơ của hai ngài, ngày nay đã sưu tập được trên 300 bài (Hàn Sơn thi tập), một số ghi lại những thú vui rừng núi, cảnh vật thiên nhiên. Còn lại phần lớn nói lên những thói hư tật xấu của người đời để cảnh tỉnh họ. Châm biếm người xuất gia có tâm địa người trần tục, không giữ giới đức, vọng động theo sinh kế, lấy đạo tạo đời. Lời thơ giản dị, mộc mạc, chất phác, không trau chuốt, kỹ xảo, thấm đượm lòng từ bi hỉ xả, cảnh tỉnh thế gian, dạy dỗ người đời nên hướng thiện, làm lành, tu tập.

Rời Chùa Hàn Sơn, bến Phong Kiều và những cửa hàng nằm ngay bên hông chùa, chúng tôi đi đến một vài ngôi chùa khác nổi tiếng ở Tô Châu mà tôi



không biết tên. Các ngôi tự viện này cũng đều hao hao giống nhau về cấu trúc và bài trí, chỉ có tượng Phật, Bồ Tát và La Hán là khác nên chúng tôi muốn đi mua sắm và xem phong cảnh. Chùa có chiếc cầu nhỏ dẫn đến chánh điện chính ở giữa, hai bên có những điện nhỏ. Vào điện thờ đức Quan Âm, tôi thấy một người đàn bà đang lên đồng, nhập cốt, tóc tai rũ rượi, áo quần xốc xếch, mắt trợn trắng trông đáng sợ, mấy người xung quanh ra hiệu cho tôi cúng tiền “bà đồng” tôi “xà lắc” và bỏ đi. Ở đâu cũng có tệ nạn mê tín dị đoan đến phát sợ. Tâm thức mình mà lại bỏ trống rước ma quỷ vào thăm viếng, rồi nó ở luôn không đi thì thành ra điên loạn, sống cuộc đời vô ích, thật uổng thân kiếp được làm người. Chánh điện chính hai bên thờ các vị La Hán, chính giữa thờ đức Thích Ca thật lớn. Sau điện có cảnh giới Liên Trì và Hải Hội Phật Bồ Tát, mát rượi vì gió thổi vào từ bên ngoài. Sân sau chùa trồng những hàng Phi Lao, sân trải sỏi trắng tương phản màu lá xanh trông thật mát mắt, cảnh vườn thật tươi mát ... Trước cửa chùa có một bà già vừa đánh đàn vừa ca múa theo điệu dân tộc thời xa xưa thật ngoạn mục nhưng không có xin tiền, chỉ là vui chơi thôi, bà này có một tâm hồn thật nhẹ nhàng và an lạc, tự tại mới có thể làm được như thế giữa công chúng ...

Đưa chúng tôi đi được vài cửa hàng quốc doanh và siêu thị, thấy chúng tôi không mua bán gì nhiều để có được tiền huê hồng từ các cửa hiệu, anh tài xế nữa chùng xuân kêu đau bụng và uể oải, miễn cưỡng đưa chúng tôi đến những cửa hàng quốc doanh khác. Lôi chào hàng, níu kéo nơi đây làm chúng tôi đâm hoảng ... Anh tài xế lại dần dần thay đổi và không muốn đưa chúng tôi đi nữa làm chúng tôi cũng chán đi, người đòi làm ăn là thế đó, chúng tôi cũng chán nên mua vé tàu về sớm hơn dự định. Ga xe lửa đông nghịt hành khách, chúng tôi muốn mua vé tàu hạng nhất để tránh chen lấn nhưng chỉ đồng hạng. Phải cực khổ, chen lấn lắm, chúng tôi mới leo lên được toa và có ghế ngồi. Thật là cực khổ cho mẹ tôi vì không quen cảnh này, bà còn sợ tôi bị dẹp ruột vì hành khách ở đây họ dữ quá, họ bắt kể chúng tôi đứng sấp hàng trước .... Thật là một cảnh tượng hãi hùng .... Cuối cùng, chúng tôi về Thượng Hải an toàn, đi loanh quanh phố, ăn tối tại nhà ga rồi về Khách Sạn nghỉ ngơi.

Ngày cuối cùng, mưa tầm tã, mãi đến chiều, phi cơ mới cất cánh, nên chúng tôi định trở lại khu vườn hoa đã đến lần trước nhưng trời mưa to quá nên mẹ tôi sợ đủ thứ chuyện bất trắc xảy ra nên chúng tôi quyết định ra sân bay sớm. Sân bay Thượng Hải thật tối tân, nhiều cửa hàng, kiến trúc ngả hẳn về Âu Tây. Thầy đã ở lại với chúng tôi vào giờ cuối, sau khi ăn trưa xong, chúng tôi từ giã thầy mà lòng bùi ngùi tự hỏi khi nào mới gặp lại? Trước khi đi, trời lại đổ mưa nặng hạt, dù sao đi nữa thì cũng phải khởi hành vì đã “final

call” rồi. Tôi chợt nhớ đến bài thơ nào đó tôi đã làm thời còn học ở Trung Học:

“Mưa thì mưa, chắc anh không bước vội

Sớm muộn gì ... rồi cũng phải xa nhau ...”

Lòng tôi chợt buồn vô tả, qua mỗi lớp cửa kính, tôi lại quay lại nhìn từ giã thầy một lần, thầy vẫn đứng đấy, ba lô nặng trĩu trên vai, tay ôm tay nải, bất động nhìn theo chúng, gương mặt buồn buồn, xa vắng, mông lung, người ở lại bao giờ cũng buồn hơn người ra đi. Cho đến khi chúng tôi quẹo sang một khúc đường khác thì hình dáng thầy đã mất hút theo ngõ quanh phi trường, cũng là ngõ quanh dòng đời giữa hai cuộc sống, giữa tôi và Thầy, giữa đời và đạo .....

(Cuối Xuân Adelaide 2002)

---o0o---

Hết